

Sức mạnh
lan tỏa
Khát vọng
vươn xa



2015
Báo Cáo Thường Niên

SMC : Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
CBNV : Cán bộ nhân viên
CTCP : Công ty Cổ phần
TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
MTV : Một thành viên
LNST : Lợi nhuận sau thuế
KCN : Khu công nghiệp
ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

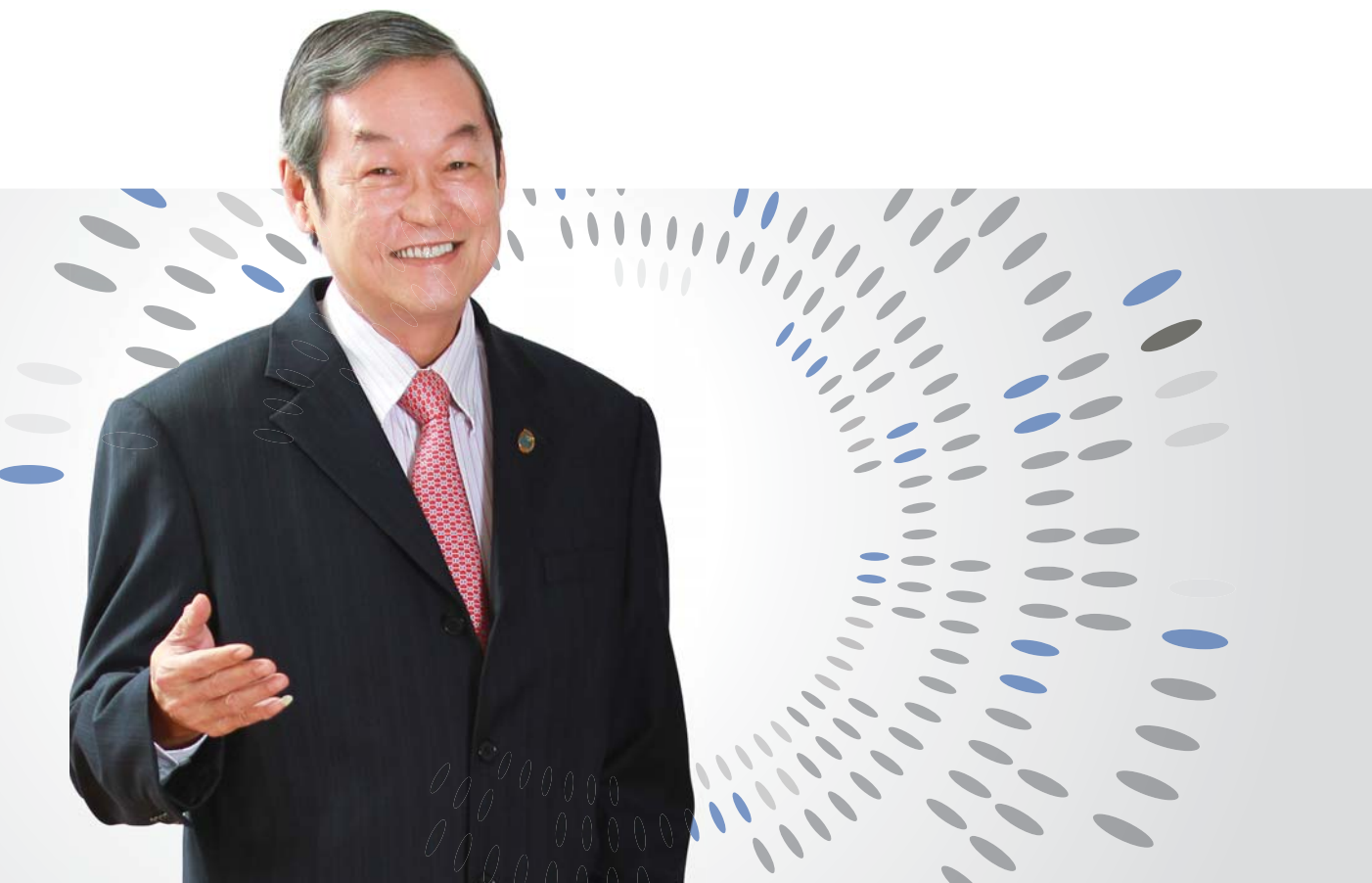
HĐQT: Hội Đồng Quản Trị
SXKD : Sản xuất kinh doanh
KTNB : Kiểm toán nội bộ
TGĐ : Tổng Giám đốc
PTGD : Phó Tổng Giám đốc
XNK : Xuất nhập khẩu
VPĐD : Văn phòng đại diện
BKS : Ban Kiểm soát
CP : Cổ phiếu

CĐCTVN : Công đoàn công thương Việt Nam
KDTH : Kinh doanh Tổng hợp
KD.XNK : Kinh doanh Xuất nhập khẩu
GNKV : Giao nhận kho vận
KDDA : Kinh doanh dự án
HC - NS : Hành chính Nhân sự
TC-KT : Tài chính Kế toán
QL & KS : Quản lý và Kiểm soát
BRVT: Bà Rịa - Vũng Tàu



MỤC LỤC |

I.	Mục Lục	3
II.	Thông Điệp Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	4
III.	Tầm Nhìn – Sứ Mệnh – Giá Trị Cốt Lõi	6
IV.	Thông Tin Chung Về Doanh Nghiệp	8
	1. Thông tin chung	8
	2. Lịch sử hình thành và phát triển	10
	3. Sản phẩm và dịch vụ cung cấp	12
	4. Sơ đồ tổ chức kinh doanh	14
	5. Cơ cấu bộ máy quản lý	16
V.	Báo Cáo Và Đánh Giá Của Ban Tổng Giám Đốc	24
	1. Tình hình chung năm 2015	24
	2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với năm trước và so với kế hoạch	26
	3. Tình hình tài chính trọng yếu	27
	4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, và quản lý	28
	5. Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2016	30
	6. Định hướng phát triển dài hạn của Công ty giai đoạn 2016-2020	32
VI.	Tình Hình Hoạt Động Và Tài Chính Trọng Yếu Trong Năm	33
	1. Sản lượng tiêu thụ và Doanh thu	33
	2. Cơ cấu chi phí	34
	3. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
	4. Cơ cấu vốn	35
	5. Năng lực hoạt động và khả năng thanh toán	35
	6. Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu	36
	7. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án trong năm	36
	8. Tổ chức và nhân sự	37
VII.	Báo Cáo Của Hội Đồng Quản Trị	39
	1. Đánh giá của HĐQT về các mặt và hiệu quả hoạt động của công ty năm 2015	39
	2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc	40
	3. Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm	40
	4. Kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2016	42
VIII.	Thông Tin Cổ Phần Và Cơ Cấu Cổ Đông	43
	1. Thông tin chung về cổ phiếu SMC	43
	2. Cơ cấu cổ đông	43
	3. Thủ lao, chi phí của HĐQT và BKS	45
IX.	Báo Cáo Của Ban Kiểm Soát	46
X.	Báo Cáo Phát Triển Bền Vững	48
XI.	Công Ty Con – Công Ty Liên Doanh Liên Kết	55
XII.	Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất Kiểm Toán	66



II.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỪ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA NĂM 2015, SMC ĐÃ VÀ ĐANG ĐỀ RA CÁC GIẢI PHÁP MẠNH MẼ VÀ TÍCH CỰC HƠN NHẪM CẢI THIỆN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH. BƯỚC ĐẦU ĐÃ CÓ NHỮNG CHUYỂN BIẾN RÕ NÉT, MANG LẠI CHO TOÀN CÔNG TY SỰ AN TÂM, TIN TƯỞNG, ĐỘI NGŨ CBCNV TIẾP TỤC ĐỒNG LÒNG, GẮN KẾT VÀ CÙNG NHAU CAM KẾT SẼ VƯỢT QUA NHỮNG TRỞ NGẠI ĐANG CẢN BƯỚC

Kính thưa Quý Cổ Đông,

Kết thúc năm 2015, SMC đã khép lại một năm với những niềm vui pha lẫn nỗi buồn, thời cơ đan xen với thách thức, những thành quả đạt được kèm theo tổn thất nặng nề, đó là những dấu ấn đậm nét khép lại một năm không thành công của SMC.

Với việc tiêu thụ sản phẩm thép các loại đạt hơn 1 triệu tấn, đạt mức tăng trưởng hơn 16% so năm trước, SMC đã khẳng định được sự lớn mạnh của mình sau 27 năm thành lập, về đích trước mục tiêu sản lượng đã đặt ra hơn một năm. Bên cạnh đó, SMC có thêm 2 liên doanh với các đối tác Nhật Bản, gồm Công ty liên doanh SMC – Toami, chuyên sản xuất lưới thép hàn, và Công ty liên doanh SENDO, chuyên sản xuất các loại ống thép. Hai liên doanh này đã được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp 5 hecta đất tại Khu Công Nghiệp Phú Mỹ và đã xây dựng xong nhà máy ống thép SENDO, riêng nhà máy SMC – Toami đang được tiến hành xây dựng và dự kiến hoàn tất trong năm 2016. Những thành quả trên đã minh chứng cho sự phát triển không ngừng của SMC, phù hợp với mục tiêu phương hướng lâu dài đã đề ra, và tiếp tục tạo đà đi lên trong những năm tiếp theo. Trong hoạt động của mình SMC cũng ngày càng tạo ra nhiều mối quan hệ mật thiết, có ý nghĩa lâu bền và tin cậy từ các đối tác trong và ngoài nước, từ các nhà sản xuất cung cấp thép lớn và có uy tín

hàng đầu trên thế giới. Thông qua đó, uy tín và thương hiệu của SMC ngày càng được nâng cao, tạo ra lợi thế cạnh tranh độc đáo, khác biệt trong ngành thép, mà thực sự không thể tạo dựng bằng giá trị vật chất hay trong một khoảng thời gian ngắn. Đây chính là điểm nhấn mạnh mẽ, tạo ra sự tự tin và niềm tự hào giúp cho SMC vượt qua mọi thách thức và khó khăn.

Trong năm mới, tình hình chung về kinh tế thế giới cũng như cả nước còn nhiều phức tạp, nhất là tác động từ nền kinh tế và ngành thép của Trung Quốc. Giá dầu mỏ thế giới tiếp tục ở mức thấp và kéo giảm theo các loại hàng hóa khác trên toàn cầu, trong đó có giá thép. Sự chuyển biến về kinh tế vĩ mô cũng như vấn đề cải cách thể chế ở Việt Nam còn mong đợi nhiều vào đội ngũ lãnh đạo mới sau Đại Hội Đảng lần thứ XII, và nếu có đổi mới mạnh mẽ thì cũng cần một thời gian đủ dài, mới có tác động và ảnh hưởng rõ nét. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp cần hội đủ nhiều yếu tố cần thiết để có đủ bản lĩnh và nội lực để vượt qua.

Từ bài học kinh nghiệm của năm 2015, SMC đã và đang đề ra các giải pháp mạnh mẽ và tích cực hơn nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Bước đầu đã có những chuyển biến rõ nét, mang lại cho toàn Công ty sự an tâm, tin tưởng, đội ngũ CBCNV tiếp tục đồng lòng, gắn kết và



cùng nhau cam kết sẽ vượt qua những trở ngại đang cản bước. Chúng tôi tin rằng sẽ tìm được điều mong muốn và hướng đi của mình là chính xác. Với kinh nghiệm đã vượt qua mốc tiêu thụ 1 triệu tấn trong năm 2015, có đủ bề dày và năng lực cần thiết, SMC tin tưởng rằng trong năm 2016, SMC sẽ có những cơ hội thuận lợi và đủ sức hoàn thành mục tiêu đã đề ra, khắc phục mạnh những hậu quả của năm trước, tiếp tục đưa doanh nghiệp tiến lên những bước vững chắc và lâu dài hơn.

Trân trọng,

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC.



NGUYỄN NGỌC ANH



TÂM NHÌN - SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Là doanh nghiệp
UY TÍN VÀ CHUYÊN NGHIỆP.



SỨ MỆNH

**“ Nói đến Thép, Nghĩ đến SMC
Nói đến SMC, Nghĩ đến Thép ”**



HOÀI BẢO

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của khách hàng, vì tương lai ổn định và bền vững cho ngành Thép Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Chuyên nghiệp trong mọi hoạt động
- Tối đa hóa lợi ích khách hàng
- Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung
- Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động.
- Uy tín
- Tinh thần học hỏi.

IV.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông Tin Chung

Tên tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
Tên tiếng Anh	: SMC Investment Trading Joint Stock Company
Tên giao dịch	: Steel Materials Company
Tên viết tắt	: SMC
Trụ sở chính	: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại	: (84 - 08) 38 99 22 99
Fax	: (84 - 08) 38 98 09 09
Website	: www.smc.vn
Vốn điều lệ	: 295.183.610.000 đồng
Mã chứng khoán	: SMC
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 29.518.361 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX)
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">• Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất và thiết bị xây lắp các loại, thiết bị cơ khí, khung kho, nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm thép inox.• Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sửa chữa nhà ở và trang trí nội ngoại thất theo quy định pháp luật• Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở theo quy định pháp luật• Kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm• Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và hàng xuất nhập khẩu• Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



TRỤ SỞ CHÍNH
 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

IV.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

2. Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển

1988

Thành lập Cửa hàng Vật liệu xây dựng số 15 thuộc trung tâm Bán buôn bán lẻ Vật liệu xây dựng Miền Nam

1996

Chuyển đổi thành Xi nghiệp sản xuất kinh doanh Vật liệu Xây dựng Số 1

1998

Thương hiệu SMC chính thức ra đời, **SMC** viết tắt cho "Steel Materials Company"

2002

Đón nhận Huân chương Lao động hạng 3 và Logo SMC chính thức ra đời.

2003

Thương hiệu SMC đã được đăng ký chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa

2004

Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC

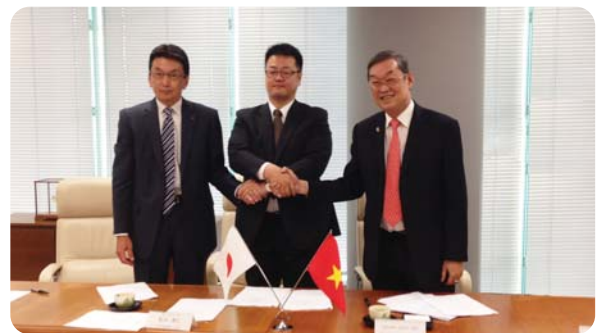
2006

Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán: SMC

2007

Đón nhận Huân chương lao động hạng 2 và Thành lập Công ty TNHH Thép SMC tại BRVT





2008

Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương và công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC

2009

Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép

2010

Hoàn thành mục tiêu chiến lược 05 năm giai đoạn 2006 – 2010 với tổng sản lượng tiêu thụ đạt 558 ngàn tấn.

2011

Thành lập Công ty CP SMC Hà Nội

2012

Thành lập liên doanh SMC – Summit giữa SMC và Tập đoàn Summitomo Nhật Bản

2013

Đón nhận Huân chương lao động hạng 1 và Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo

2014

Hoàn thành mục tiêu chiến lược 05 năm (2011 – 2015) trước 1 năm với sản lượng tiêu thụ đạt 867.000 tấn thép các loại

2015

Thành lập Công ty TNHH SMC Toami .
Thành lập Công ty TNHH liên doanh Ống Thép SENDO

IV.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

3. Sản Phẩm Và Dịch Vụ Cung Cấp



Thép xây dựng bao gồm
thép cuộn, thép tròn trơn,
thép gân



Thép cán nóng, cán nguội, ống
thép, thép lá, xà gỗ, lưới thép hàn,
thép cường độ cao, thép hình,
thép không theo quy chuẩn





Hệ thống Coil Center với các nhà máy đặt tại BRVT, HCM và Hà Nội được trang bị thiết bị máy móc hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan theo công nghệ của Đức, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000,

chuyên cung cấp dịch vụ gia công xả băng, cắt tấm các loại thép lá cán nguội, thép tấm cán nóng, thép lá mạ điện, thép lá mạ màu, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao
- Nhà máy sản xuất thép ống

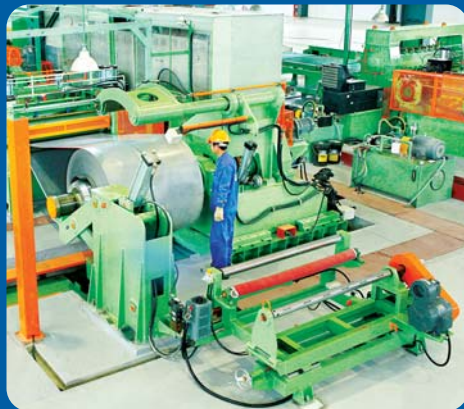
SENDO "Ống Thép Việt - Nhật" có công suất từ 80.000 đến 110.000 tấn ống thép các loại/năm, bao gồm ống thép tròn, ống vuông, ống hộp, chia ra hai dòng sản phẩm ống đen và ống thép mạ kẽm.



Hệ Thống Coil Center



Thép ống



IV.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

4. Mạng Lưới Hoạt Động

Với hệ thống chi nhánh rộng khắp, SMC đang có đội ngũ vận tải chuyên nghiệp bằng đường bộ, đường sông và đường biển, công ty có khả năng cung cấp 5.000 tấn thép/ngày và vận chuyển đến tất cả các khu vực trên toàn quốc và vươn tầm quốc tế.

TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3899 6067 - Fax: (84-8) 3898 0909
Website: <http://www.smc.vn>

7 CÔNG TY
THÀNH VIÊN

3 CÔNG TY
LIÊN DOANH

CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ I,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điện thoại: (064) 3922 866
Fax: (064) 3922 469

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ I,
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điện thoại: (064) 3922 933
Fax: (064) 3922 969

CÔNG TY TNHH MTV SMC BÌNH DƯƠNG

Đường số 5, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa
TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0650) 3769526 - 3769 573 - 3769 678
Fax: (0650) 3783 839 - 3765 839

CÔNG TY TNHH MTV SMC HIỆP PHƯỚC

Lô C5A, Khu CN Hiệp Phước,
Huyện Nhà Bè, Tp.HCM

CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH THÉP SMC

124 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3899 6067
Fax: (064) 3512 6018

CÔNG TY CỔ PHẦN SMC HÀ NỘI

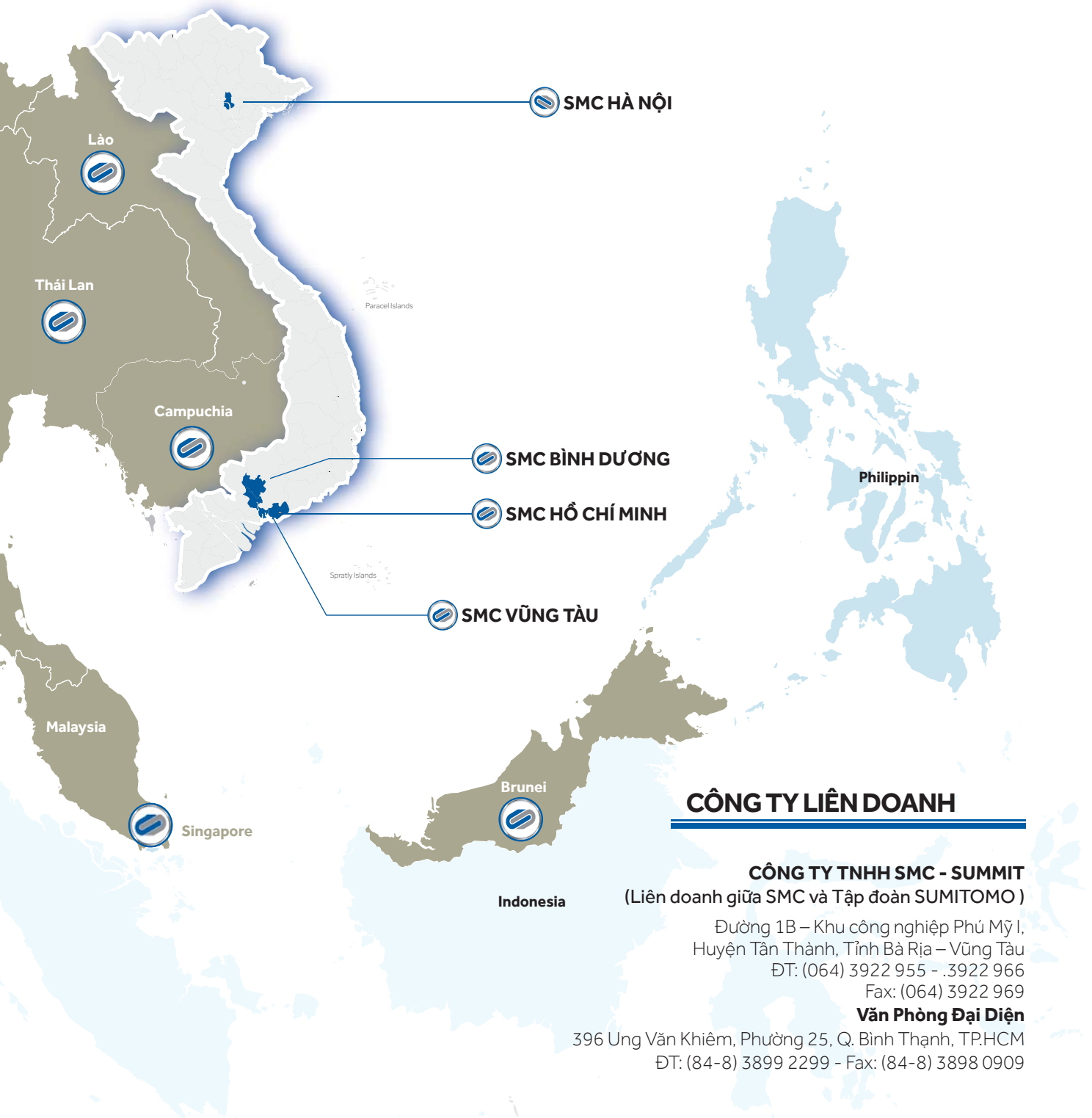
Lô số 47, KCN Quang Minh, Thị trấn
Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3525 1522
Fax: (04) 3525 1526

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Lô 33, Đường Trung tâm, KCN Tân Tạo,
Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3754 7454
Fax: (08) 3754 5666

Myanmar





SMC HÀ NỘI



CÔNG TY LIÊN DOANH

CÔNG TY TNHH SMC - SUMMIT

(Liên doanh giữa SMC và Tập đoàn SUMITOMO)

Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ I,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
ĐT: (064) 3922 955 - .3922 966
Fax: (064) 3922 969

Văn Phòng Đại Diện

396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (84-8) 3899 2299 - Fax: (84-8) 3898 0909

CÔNG TY TNHH SMC - TOAMI

(Liên doanh giữa SMC - TOAMI Corp. - HANWA Co.,Ltd)

Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ I,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điện thoại: (064) 3924410 - Fax: (064) 392 4411
Website: www.smc-toami.vn

Văn Phòng Đại Diện

Lầu 5, 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (84-8) 3899 2299 - Fax: (84-8) 3898 0909

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

(Liên doanh giữa SMC và HANWA)

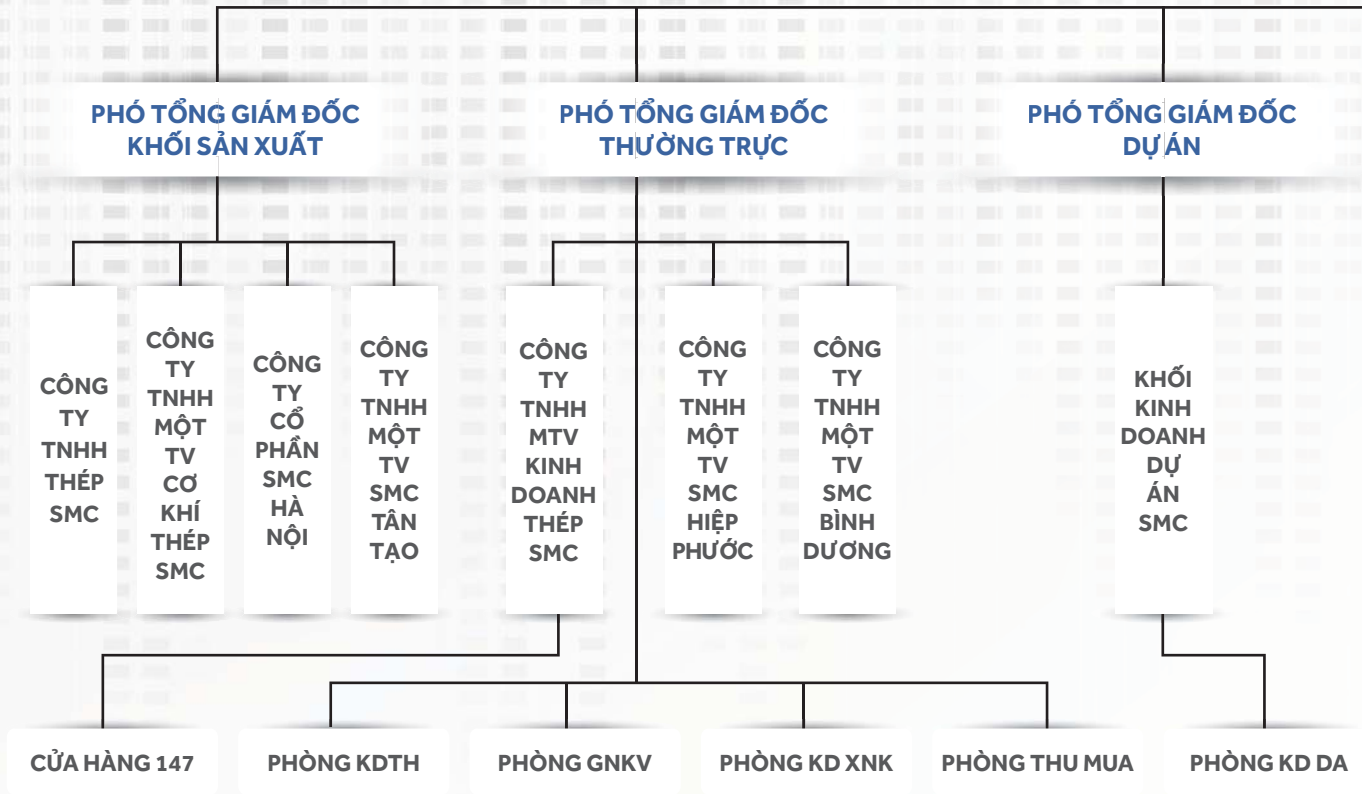
Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ I,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
ĐT : (064) 3922 955 - .3922 881
Fax: (064) 3922 969

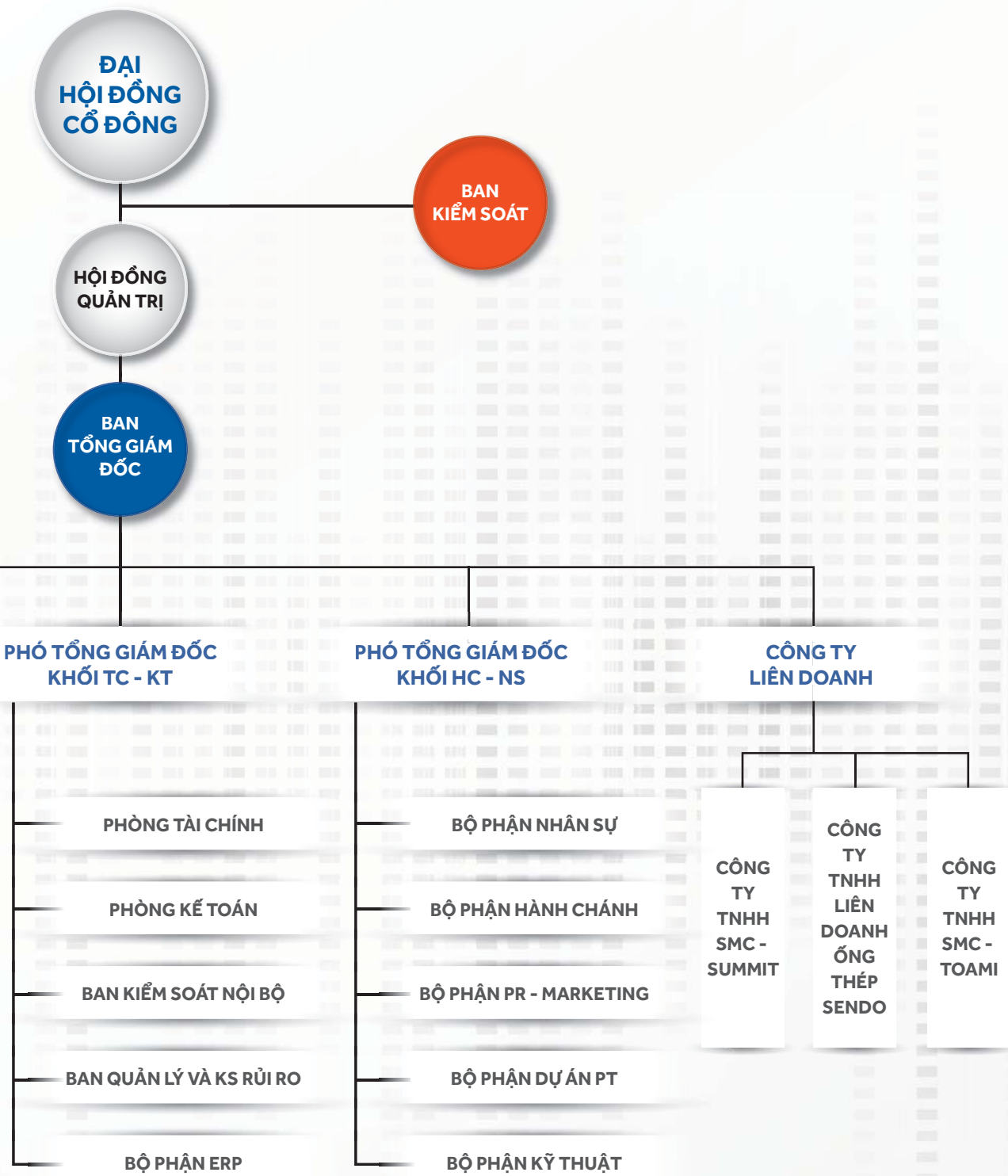
Website: www.sendopipe.com

IV.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

5. Sơ Đồ Tổ Chức Kinh Doanh





IV.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP



Ông
NGUYỄN NGỌC ANH

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Tài chính

- Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
- Thành viên HĐQT Công ty CP Thép Thống Nhất
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Nam Khang



Bà
NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn:
Cao đẳng chuyên ngành QTKD

- Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC



ÔNG
VÕ HOÀNG VŨ

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
- Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Ống thép SENDO

6. Cơ Cấu Bộ Máy Quản Lý

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
MA ĐỨC TÚ

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn:
ĐH Ngân hàng
chuyên ngành Tài chính Tín dụng

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
- Chủ tịch Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Địa Ốc 9

Bà
VŨ THỊ THANH HỒNG

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành kế toán

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
- Trưởng VP Đại diện Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM

ÔNG
TAIRA YOSHIYUKI

Năm sinh: 1967

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH HANWA VIETNAM

IV.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP



Ông
NGUYỄN NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành Tài chính



Bà
NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Khối Kinh Doanh

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn:
Cao đẳng chuyên ngành QTKD



Ông
VÕ HOÀNG VŨ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Khối Sản Xuất

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh

6. Cơ Cấu Bộ Máy Quản Lý

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông
NGUYỄN BÌNH TRỌNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Khối Tài chính - Kế Toán

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành KTTC



Bà
NGUYỄN HỒNG CHÂU

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Khối Dự Án

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân
chuyên ngành Ngoại Thương.



ÔNG
NGUYỄN VĂN TIẾN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Khối HC-NS

Năm sinh: 1953

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân
chuyên ngành Xã Hội Học

IV.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

BAN KIỂM SOÁT



Bà **HỒ THỊ NGỌC TUYẾT**

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán; Cử nhân Sư phạm chuyên ngành Ngoại ngữ

Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1975



Ông **NGUYỄN HỮU KINH LUÂN**

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Murray, Hoa Kỳ

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1982



Bà **TRẦN THỤY BÍCH HÂN**

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Đại học Sư Phạm chuyên ngành Trung Văn

Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1981



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình Hình Chung Năm 2015

Nhìn chung, 2015 là một năm có nhiều sóng gió với các biến động nhanh, mạnh, và khó lường theo chiều hướng xấu của kinh tế thế giới và giá cả hàng hóa nguyên vật liệu. Mặc dù từ những tháng cuối năm 2014, Công ty đã có những dự báo trước, đề ra những định hướng và giải pháp linh hoạt cho kế hoạch hoạt động để sẵn sàng đối đầu cùng các thách thức trong năm 2015, nhưng toàn hệ thống SMC vẫn phải đón nhận những hậu quả nặng nề với hiệu quả kinh doanh kém.

Một mặt, dưới các tác động vĩ mô của năm 2015, SMC cũng đã đạt được một số thành tựu nổi bật và đáng khích lệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Toàn hệ thống đã đạt mức sản lượng tiêu thụ hơn triệu tấn thép các loại trong năm 2015, tăng 16% so với năm trước và tăng đều ở cả hai phân khúc chính là thép xây dựng và thép tấm lá, tiếp tục lập kỷ lục mới về tiêu thụ, đánh dấu sự phát triển không ngừng của Công ty cũng như sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể CBCNV trong hệ thống để đưa Công ty hoàn thành về đích trước một năm so với chiến lược kinh doanh 2011-2015 đã đề ra.
- Từ một đơn vị liên doanh SMC – Summit, thêm hai thành viên liên doanh mới gồm liên doanh SMC – Toami giữa SMC cùng tập đoàn Toami và tập đoàn Hanwa Nhật Bản, chuyên sản xuất sản phẩm lưới thép hàn và liên doanh SENDO giữa SMC và tập đoàn Hanwa Nhật Bản, chuyên sản xuất sản phẩm ống thép đã ra đời trong năm 2015 với tổng số vốn đầu tư đạt hơn 6 triệu USD. Trong điều kiện ngành còn nhiều khó khăn và cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước, việc được các đối tác, tập đoàn lớn của Nhật tin tưởng và "chọn mặt gửi vàng" để liên doanh, hợp tác là việc mà không phải bất kỳ doanh nghiệp thép nào trong ngành cũng có thể làm được, qua đó cho thấy tiềm lực, khả năng, cũng như uy tín và thương hiệu của SMC trên thị trường, từ đó củng cố thêm nền tảng cho đà phát triển của SMC trong thời gian tới.

- Với chiến lược dịch chuyển cơ cấu hoạt động, đặt trọng tâm dần lên hoạt động gia công chế biến các sản phẩm thép dẹt, hoạt động của các nhà máy Coil Center trong toàn hệ thống ngày càng ổn định, cùng với việc đầu tư vào nhà máy sản xuất ống thép dự kiến sẽ góp phần gia tăng nguồn tiêu thụ cho các nhà máy Coil Center này, hỗ trợ phát triển tiêu thụ cho thép cán nóng trong tình hình SMC có quan hệ tốt với các công ty thép lớn như China Steel, Nippon Steel và Hyundai Steel. Từ đó mở hướng tạo thuận lợi cho việc quan hệ tiêu thụ trong 1-2 năm tới với Formosa Hà Tĩnh, tạo tiền đề cho việc tiến tới sử dụng thép cán nóng được sản xuất trong nước thay cho hàng nhập khẩu.

- Mặc dù gặp một số khó khăn về hiệu quả hoạt động, SMC vẫn duy trì được mối quan hệ tín dụng, tài chính tốt từ phía ngân hàng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vượt qua khó khăn và sớm đi vào giai đoạn hồi phục.

Tuy nhiên ở một mặt khác, với tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động xấu, giá cả suy giảm nhanh và kéo dài, ngành thép cũng phải đối mặt với rất nhiều phức tạp và khó khăn, nên dù sản lượng tiêu thụ năm 2015 có tăng mạnh, hoạt động kinh doanh không mang lại hiệu quả, dẫn đến thiệt hại vô cùng lớn. Với lượng tồn kho lớn, chủ yếu là thép cán nóng, phục vụ yêu cầu gia công chế biến, nhưng do lượng hàng dồi dào và cạnh tranh ngoài thị trường nhiều, tiêu thụ chậm đã làm cho tính thanh khoản và hiệu quả kinh doanh rất xấu. Kết thúc năm 2015, SMC thực hiện được 10.046 tỷ doanh thu, giảm 8% so với năm trước nhưng lợi nhuận gộp chỉ đạt 144,7 tỷ đồng, giảm mạnh 55,3% so với cùng kỳ, cùng các chi phí khác gia tăng dẫn đến khoản lỗ sau thuế lên đến 196 tỷ đồng.

Một số yếu tố/ rủi ro chính tác động đến môi trường kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2015 gồm:

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Rủi ro về kinh tế

Kết thúc năm 2015, kinh tế Việt Nam đạt được một số thành tựu tích cực như tăng trưởng GDP đạt 6,68%, là mức cao nhất trong vòng 8 năm qua và vượt mục tiêu đề ra của chính phủ, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài FDI đóng góp rất lớn. Các chỉ số khác như lạm phát, lãi suất, và tăng trưởng tín dụng khá ổn định. Thị trường xây dựng, bất động sản và thị trường tiêu dùng trong nước cũng có những bước phục hồi tốt. Việc gia nhập vào cộng đồng kinh tế ASEAN, ký kết thành công các hiệp định đối tác song phương và đa phương, và việc kết thúc vòng đàm phán hiệp định đối tác xuyên thái bình dương (TPP) đã mở ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho tiến trình hội nhập kinh tế của Việt Nam và cho các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế.



Tuy nhiên, nhìn sâu hơn vào các yếu tố nội tại của nền kinh tế, xuất hiện không ít quan ngại, trong đó các quan ngại đến từ Trung Quốc khá lớn. Việc nền kinh tế lớn thứ hai thế giới tăng trưởng chậm lại đã ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, trong đó Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Thị trường chứng khoán lao dốc mạnh và động thái phá giá đồng nhân dân tệ của Trung Quốc cũng gây ra một đợt chao đảo không nhỏ đối với thị trường tài chính thế giới. Hầu hết các đồng tiền trong khu vực đều điều chỉnh tăng giá so với USD, và Việt Nam đồng cũng không là trường hợp ngoại lệ. Bên cạnh ảnh hưởng bởi các tác động từ bên ngoài, kinh tế Việt Nam cũng đang phải chịu nhiều thách thức từ các

yếu tố nội tại trong cả ngắn và dài hạn. Trong đó, đáng chú ý là nợ xấu, biến động tỷ giá, thâm hụt ngân sách, đầu tư công, nợ công, và hiệu năng của bộ máy nhà nước. Nếu những rào cản đó không được nhanh chóng tháo gỡ, cải thiện thì sẽ tạo ra tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế.

Rủi ro về ngành và biến động giá nguyên liệu

Thép là nguyên liệu chính phục vụ cho quá trình gia công sản xuất và kinh doanh của Công ty. Thị trường thép thế giới năm 2015 tiếp tục trầm lắng và chưa có dấu hiệu phục hồi. Giá hầu hết các loại nguyên liệu sản xuất và thành phẩm thép tiếp tục biến động giảm mạnh trong năm, với mức giảm bình quân khoảng 40-45% so với năm trước, rơi mạnh nhất trong quý 1 và quý 2, sau đó chững lại và mức rơi suy yếu dần vào quý 4. Tiêu thụ thép toàn ngành của Việt Nam tăng trưởng tương đối khả quan ở mức 26,4% so với năm trước đó, phần lớn nhờ vào sự khởi sắc của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, ngành thép Việt Nam năm 2015 nhập siêu hơn 7 tỷ USD, trong đó thép nhập khẩu chủ yếu từ thị trường Trung Quốc đã gây áp lực rất lớn đến năng lực sản xuất, tiêu thụ, và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thép trong nước.

Nguồn cung dư thừa, tồn kho xã hội luôn ở mức cao, giá cả nguyên vật liệu duy trì ở mức thấp, đồng nhân dân tệ mất giá, hàng Trung Quốc xuất khẩu giá rẻ hơn tiếp tục ồ ạt đổ ra các thị trường thế giới, cạnh tranh ngày càng gay gắt, cùng với việc áp các biện pháp phòng vệ thương mại từ các quốc gia nhập khẩu, sẽ khiến cho tình trạng khó khăn của thị trường thép nói chung và các doanh nghiệp thép nội địa nói riêng vẫn còn tiếp diễn. Năm 2015 cũng là năm có rất nhiều kiến nghị, than phiền từ các doanh nghiệp sản xuất thép, phôi thép, tôn mạ đến cơ quan nhà nước do giá nhập khẩu thấp và xuất hiện nhiều gian lận thương mại khiến cho các nhà sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn và không thể cạnh tranh nổi. Dự kiến sẽ có những thay đổi về chính sách nhập khẩu thép, tập trung ở các mặt hàng như phôi thép và tôn mạ trong thời gian tới.

Trong năm qua, bên cạnh sự ra đi của một số đơn vị kinh doanh thép gặp quá nhiều khó khăn không thể vượt qua được, thì thị trường cũng đón nhận sự xuất hiện của một số doanh nghiệp mới, hoặc đã thành lập từ lâu nhưng hoạt động ở những lĩnh vực khác tham gia mạnh vào thị trường sắt thép để chiếm thị phần, đặc biệt ở lĩnh vực phân phối cung cấp thép cho các dự án công trình tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ. Một số dự án trọng điểm của nhà nước như công trình giao thông cơ sở hạ tầng, nhà máy điện... với nhu cầu tiêu thụ thép lớn đã có sự phân chia miếng bánh phân phối thép trước khi tiến hành thi công, tạo ra sự bất bình đẳng và thu hẹp sân chơi cho các doanh nghiệp dân doanh.

Rủi ro về tài chính tín dụng – tỷ giá và lãi suất

Năm 2015 tiền đồng mất giá hơn 5% so với đồng đô la Mỹ. Việc Trung Quốc sẽ điều hành tỷ giá một cách linh hoạt hơn, đồng đô la Mỹ ngày càng tăng mạnh, và nhu cầu nhập siêu tăng cao của Việt Nam sẽ khiến cho việc điều hành tỷ giá của ngân hàng nhà nước gặp nhiều thách thức, khả năng cao sẽ tiếp tục gây áp lực lên việc mất giá của tiền đồng. Năm 2015, tăng

trường tín dụng đạt khoảng 18%, và lạm phát được duy trì ở mức thấp 0,6%, tuy nhiên lãi suất vẫn không được điều chỉnh giảm. Việc nợ xấu thực chất vẫn còn ở mức cao, chi phí vận hành của hệ thống ngân hàng cao cùng với việc quản trị còn yếu và thiếu minh bạch, tăng trưởng tín dụng vượt trội so với huy động, việc giảm lãi suất trong thời gian tới sẽ không dễ dàng, làm hiệu quả và lợi nhuận hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành đạt mức thấp.

Việc đầu tư vào các hệ thống nhà máy và không ngừng tăng trưởng sản lượng kinh doanh đòi hỏi nguồn chi phí đầu tư, mua máy móc thiết bị, và mua nguyên liệu lớn cho toàn hệ thống. Trong khi đó, SMC hiện đang phụ thuộc khá lớn vào nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng nên bất cứ biến động nào về chính sách tín dụng như thay đổi lãi suất và tỷ giá đều là rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Để ứng phó với rủi ro về nhu cầu vốn, lãi suất và tỷ giá, SMC luôn chủ động trong việc tìm kiếm và duy trì nguồn vốn vay với mức lãi suất cạnh tranh, linh hoạt trong các giải pháp thu hồi công nợ và duy trì tồn kho ở mức hợp lý để cân đối nguồn vốn lưu động, từng bước cân đối nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu.



V.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với năm trước và so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	Tăng/giảm %	KH 2015	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	867.378	1.004.846	15,8%	850.000	118,2%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.917	10.046	-8,0%	10.500	95,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,9	-196,1	n/a	50,0	n/a

Kết thúc năm 2015, SMC tiêu thụ hơn 1 triệu tấn thép các loại, tăng 16% so với năm trước và hoàn thành 118,2% kế hoạch cả năm, đem lại tổng doanh thu thuần hơn 10.046 tỷ đồng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi giá bán giảm mạnh hơn dự báo, doanh thu thuần năm 2015 giảm 8% so với cùng kỳ và chỉ thực hiện bằng 95,7% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2015, SMC ghi nhận khoản lỗ lớn lên đến 196 tỷ đồng, đây là năm đầu tiên SMC ghi nhận thiệt hại và tổn thất nặng nề về hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các nguyên nhân tập trung chủ yếu từ các yếu tố sau:

DOANH THU THUẦN

10.046
tỷ đồng

- Nguyên nhân khách quan

Giá thép song hành cùng giá dầu thế giới giảm mạnh và sâu một cách không thể dự báo trước và đánh giá hết được các tác động và khó khăn. SMC có lượng tồn kho mặt hàng thép cán nóng tương đối cao cả về sản lượng và giá, đặc biệt trong khoảng tháng 2 và tháng 3/2015, trong khi đó nhiều công ty thương mại khác cũng nhập mặt hàng thép cán nóng về nhiều, thanh khoản sản phẩm thấp gây cạnh tranh mạnh về giá và hiệu quả kém. Bên cạnh đó, tỷ giá không ngừng gia tăng trong khi hoạt động nhập khẩu và tỷ lệ vay bằng ngoại tệ của SMC tăng cao (cao điểm nhất nợ vay ngoại tệ lên đến 100 triệu USD), cũng ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả kinh doanh chung của toàn Công ty.

- Nguyên nhân chủ quan:

Do thời gian từ khi xác nhận hàng đến khi hàng về tại cảng mất khoảng 2,5 tháng, để đảm bảo hàng dự trữ đủ và liên tục cho hệ thống các nhà máy gia công chế biến, ban điều hành SMC đã đưa ra định mức tồn kho các loại thép cho toàn hệ thống vào khoảng 2 tháng tiêu thụ, tương ứng từ 160.000 – 200.000 tấn thép, dẫn đến tồn kho cao cả về số lượng lẫn giá. Đây là quyết định sai lầm lớn nhất dẫn đến thiệt hại và bao trùm các yếu tố còn lại. Thông thường theo yếu tố quy luật, sau một thời gian giảm mạnh, giá thép được dự báo sẽ bật tăng trở lại. Tuy nhiên điều này đã không xảy ra trong năm 2015, dẫn đến việc các đợt mua hàng bổ sung lần sau lại tiếp tục chịu áp lực giá giảm làm thiệt hại càng gia tăng. Với điều kiện vay vốn thuận lợi được hưởng lãi vay thấp, SMC đã chủ quan trong việc đánh giá ảnh hưởng của dòng tiền và chi phí tài chính lên hiệu quả kinh doanh cũng như không lường hết hậu quả liên quan đến mức tồn kho lớn.

Thiệt hại về hiệu quả được phản ánh rõ ràng và ngay vào kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, trong thời điểm giá thép giảm mạnh nhất và tồn kho cao nhất của SMC khi Công ty ghi nhận lỗ sau thuế trong quý 1/2015 hơn 40 tỷ đồng và lỗ sau thuế trong quý 2/2015 lên đến hơn 160 tỷ đồng. Nhận thấy sai lầm và thiệt hại lớn bởi chính sách tồn kho cao trong xu hướng giá thép liên

tục giảm và duy trì ở mức thấp, ban điều hành SMC đã nhanh chóng linh hoạt đẩy mạnh tiêu thụ, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các hoạt động nhập khẩu, tồn kho và các chi phí liên quan, từng bước khắc phục ngay việc kinh doanh không đạt hiệu quả của toàn hệ thống. Với sự quyết liệt và quyết tâm cao độ của ban điều hành cùng toàn thể CBCNV toàn hệ thống, SMC đã

bước đầu cải thiện được tình hình hoạt động kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2015 với lợi nhuận thu được gần 7 tỷ đồng, trước hết là không để kết quả kinh doanh tiếp tục phát sinh thêm lỗ, tiến tới tạo ra lợi nhuận bù đắp dần cho những thiệt hại đã xảy ra, từng bước vượt qua khó khăn và sớm đi vào giai đoạn hồi phục và tăng trưởng trở lại.

3. Tình hình tài chính trọng yếu

TÀI SẢN

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2014	2015	Tăng/giảm %
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	3.563,3	2.316,4	-35,0%
Các khoản phải thu	Tỷ đồng	1.200,2	832,3	-30,7%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	1.159,8	490,6	-57,7%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	539,7	710,6	31,7%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.103,1	3.027,0	-26,2%

Tổng tài sản Công ty SMC tại thời điểm kết thúc năm 2015 đạt 3.027 tỷ đồng, giảm mạnh 26,2% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng giảm gần 1.076 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn Công ty cuối năm 2015 đạt 2.316,4 tỷ đồng, giảm 35% so với năm 2014, chủ yếu đến từ việc giảm các khoản phải thu và hàng tồn kho. Quyết định tích trữ một lượng lớn hàng tồn kho vào cuối năm 2014 và nửa đầu năm 2015 cũng như chưa kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu, đặc biệt là các khoản phải thu từ khách hàng, đã dẫn đến những thiệt hại nặng nề trong hiệu quả kinh doanh cho SMC giai đoạn vừa qua. Đúc kết sâu sắc từ bài học đó, ban điều hành Công ty đã hết sức quyết liệt, kiểm soát chặt chẽ, và linh hoạt điều hành các chính sách bán hàng và tồn kho nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực lên dòng tiền và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nhờ đó đã có sự thay đổi rõ rệt vào cuối năm 2015, trong đó các khoản phải thu giảm 30,7%

tương ứng 368 tỷ đồng, và hàng tồn kho giảm đến 57,7% tương ứng 669 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, việc không ngừng đầu tư vào nhà xưởng máy móc thiết bị gia công chế biến thép trong năm đã giúp Công ty gia tăng giá trị tài sản dài hạn, đạt 710,6 tỷ vào cuối năm 2015, tăng gần 171 tỷ đồng, tương ứng tăng 31,7% so với năm 2014.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2014	2015	Tăng/giảm %
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	3.417,7	2.522,9	-26,2 %
Vay nợ ngân hàng ngắn hạn	Tỷ đồng	2.671,5	1.782,5	-33,3 %
Các khoản phải trả	Tỷ đồng	710,0	691,7	-2,6%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	118,5	112,9	-4,7 %
Vay nợ ngân hàng dài hạn	Tỷ đồng	118,5	109,3	-7,8 %
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	3.536,1	2.635,8	-25,5 %

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty là gần 2.636 tỷ đồng, giảm hơn 890 tỷ đồng, tương đương giảm 25,5% so với năm trước, trong đó chủ yếu là giảm các khoản nợ ngắn hạn hơn 26% trong khi nợ dài hạn chỉ giảm nhẹ gần 5% so với cùng kỳ. Tổng nợ ngắn hạn của Công ty cuối năm 2015 giảm 895 tỷ đồng, chủ yếu là giảm các khoản nợ vay ngân hàng ngắn hạn gần 889 tỷ đồng, trong khi các khoản phải trả không có thay đổi đáng kể. Mặc dù xét về con số tuyệt đối đã ghi nhận khoản giảm trừ đáng kể nợ phải trả của Công ty trong năm qua, chủ yếu là nợ

vay ngân hàng ngắn hạn, tuy nhiên xét về cơ cấu sử dụng vốn thì tỷ lệ tổng nợ vay trên vốn chủ sở hữu của SMC vẫn duy trì ở mức rất cao gần 5 lần, đem đến nhiều rủi ro và chi phí tài chính lớn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh. Để đảm bảo cho mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Công ty trong dài hạn cũng như để đảm bảo tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng vốn, và tính cân đối giữa nợ ngắn hạn và dài hạn, Công ty đang từng bước thực hiện việc tái cấu trúc tài chính trong thời gian tới.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, và quản lý

Về quản lý sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục ổn định và từng bước phát triển sản lượng tiêu thụ, thị phần theo xu hướng ổn định và vững chắc, tạo nên doanh thu và dòng tiền mạnh mẽ, liên tục và đều đặn.
- Từng bước điều chỉnh chính sách quan hệ với các nhà sản xuất thép nội địa đồng thời mở rộng quan hệ với những thương hiệu mới như Formos, Posco Vina... nhằm tạo hiệu quả kinh doanh và khẳng định đúng vị thế của SMC. Mở rộng các mối quan hệ trong và ngoài nước với mục đích quảng bá thương hiệu, vừa nâng cao vị thế vừa khai thác kịp thời các thông tin kinh tế ngành nghề phục vụ yêu cầu kinh doanh.
- Duy trì và ổn định hoạt động nhập khẩu phục vụ yêu cầu sản xuất, gia công chế biến và kinh doanh, cùng lúc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu nhằm tăng cường đóng góp vào sự phát triển chung.



- Lấy hoạt động gia công Coil Center làm chủ yếu, mạnh dạn đầu tư vào nhà máy sản xuất ống thép nhằm phát huy hết ưu thế sẵn có hướng tới cung cấp cho thị trường và khách hàng các sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng xuất khẩu và hướng phát triển bền vững lâu dài.
- Từng bước nâng cao năng suất lao động và công suất máy móc, bên cạnh việc cải tiến và trang bị mới các máy móc thiết bị theo yêu cầu hoạt động, phần đầu tham gia ngày càng sâu vào lĩnh vực công nghiệp phụ trợ ngành cơ khí sắt thép nhằm tạo nên giá trị gia tăng ngày càng lớn.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ R&D trong lĩnh vực sản xuất nhằm đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động của các đơn vị kinh doanh và nhu cầu của khách hàng.



Về tài chính kế toán

- Đảm bảo các nguồn vốn phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, giữ vững vai trò sức mạnh tài chính cần thiết cho toàn hệ thống SMC.
- Nâng cao nghiệp vụ quản lý rủi ro và tăng cường năng lực giám sát trong toàn hệ thống, giữ vững tính an toàn cho toàn bộ hoạt động luân chuyển hàng hóa và nguồn vốn.
- Tích cực tìm tòi và khai thác các nguồn vốn có chi phí rẻ để đảm bảo chi phí sử dụng vốn luôn ở mức thấp nhất, tạo lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu chi phí tài chính cho Công ty.
- Tăng cường dự báo các biến động của nền kinh tế thế giới và trong nước, các biến động của ngành và giá cả nguyên vật liệu thép để chủ động đề ra các giải pháp tài chính linh hoạt, phù hợp, không gây sốc và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.



Về tổ chức nhân sự

- Luôn nâng cao lợi thế cạnh tranh và tạo thuận lợi cho CBCNV phát huy lòng tự hào về thương hiệu SMC và hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Luôn tạo môi trường làm việc tốt, điều kiện làm việc tốt, và cơ hội thăng tiến đầy đủ cho CBCNV.
- Đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ CBCNV tự đào tạo để không ngừng nâng cao năng lực nghiệp vụ, kết hợp với việc mạnh dạn giao việc để tạo nguồn cán bộ quản lý và chuyên môn đầy đủ đáp ứng cho nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.

V.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2016

Năm 2016, dự báo tình hình chung của thế giới vẫn còn nhiều chuyển biến phức tạp, làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế trong nước. Nước láng giềng Trung Quốc vẫn còn bất ổn và tăng trưởng chậm cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ngành thép nước ta. Năm 2016 chính phủ dự báo GDP tăng trưởng khoảng 6.7-6.8% nhưng trên thực tế nền kinh tế vẫn phải đối đầu với việc thiếu vốn, ngân sách không đủ nguồn để trả nợ đến hạn và chi thường xuyên, các khoản đầu tư phát triển phải hạn chế. Do vậy không thể quá lạc quan, thiếu cân nhắc trong

việc dự báo phát triển ngành thép nội địa, đặc biệt đối với đất nước còn nhiều khó khăn và tiềm lực yếu như Việt Nam. Nhiều thách thức khác vẫn còn tiếp tục theo đuổi các doanh nghiệp như nguồn vốn, lãi suất, tỷ giá, và lạm phát. Giá thép có sự liên quan và chịu tác động của nhiều loại hàng hóa khác, đặc biệt là giá xăng dầu. Với xu hướng giá dầu thế giới sẽ tiếp tục giảm và duy trì ở mức thấp trong năm 2016, giá thép cũng sẽ khó bứt phá được trong năm so với giá gốc cuối năm 2015. Các con sóng tăng giảm giá cũng sẽ ít xảy ra, nếu có biên độ cũng sẽ không lớn và không kéo dài. Thêm vào đó, các thay đổi trong chính sách quản lý và chính sách thuế xuất nhập khẩu cũng sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành thép Việt Nam năm 2016.

Đúc kết những kinh nghiệm và bài học sâu sắc trong năm 2015 cũng như sự quyết liệt và quyết tâm trong công tác điều hành và kinh doanh, SMC kỳ vọng sẽ tiếp tục tận dụng được những lợi thế cạnh tranh sẵn có để từng bước vượt qua cơn bão khó khăn trong năm 2015, sớm đi vào giai đoạn hồi phục đem lại hiệu quả kinh doanh cao và tăng trưởng trở lại cho doanh nghiệp. Kế hoạch sản lượng tiêu thụ và doanh thu năm 2016 dự kiến được duy trì ở mức tương đương với năm 2015, nhưng hiệu quả kinh doanh đem lại sẽ khả quan và tích cực hơn.

Sản lượng tiêu thụ
năm 2016 đạt ít nhất

**1 triệu
tấn**



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	% 2016/2015
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.004.846	1.000.000	99,5%
	Thép xây dựng	Tấn	567.220	565.000	99,6%
	Thép tấm lá mạ	Tấn	351.318	330.000	93,9%
	Thép ống hàn	Tấn	14.836	25.000	168,5%
	Thép khác	Tấn	71.472	80.000	111,9%
2	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	10.046	10.100	100,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-196.1	60	n.a

CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2016

SMC vừa trải qua một năm tổn thất nặng nề, dù muốn hay không cũng có tác động lớn đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy cần tiến hành điều chỉnh thay thế và bổ sung nhiều nét mới trong quản trị, điều hành hoạt động của mình. Tình hình kinh tế càng nhiều thách thức thì sức ép cạnh tranh càng mạnh mẽ quyết liệt, hiệu quả và lợi nhuận càng thấp, tìm lợi thế cạnh tranh và tạo ra hướng đi mới phải luôn là giải pháp cần liên tục đưa ra để có thể vươn lên và phát triển.

- Tập trung đảm bảo an toàn hiệu quả, về sản lượng đảm bảo không thấp hơn năm 2015, chỉ tăng trưởng sản lượng khi có các điều kiện thuận lợi phù hợp, chứ không tăng trưởng mà không có hiệu quả về lợi nhuận. Phấn đấu tạo hiệu quả để bù đắp tổn thất đã xảy ra trong năm 2015.
- Toàn hệ thống đi vào hạch toán cụ thể với các chỉ tiêu lợi nhuận và hiệu quả được giao cụ thể cho từng đơn vị thành viên, yêu cầu phải kiểm soát chặt chẽ tổn kho, tăng vòng quay vốn, nâng cao giá bán và tiết giảm chi phí.
- Đối với mảng kinh doanh thép xây dựng, tiếp tục tăng cường và mở rộng quan hệ với các dự án công trình nhằm gia tăng tính cạnh tranh và tìm hiệu quả, cần đề ra các giải pháp linh hoạt phù hợp, nhất là chủ động linh hoạt trước các đối thủ đang phát triển ngày càng nhiều.
- Đối với mảng kinh doanh thép dẹt, đẩy mạnh cơ chế tự hạch toán và đảm bảo hiệu quả lợi nhuận, thúc đẩy việc thanh toán tiền lương cho công nhân theo hình thức trả lương theo sản phẩm, góp phần nâng cao ý thức tự chủ cho mọi CBCNV.
- Về đầu tư và phát triển: năm 2015 do tập trung xây dựng nhà máy thép ống nên việc triển khai dự án phân xưởng ép tẩy mạ bị kéo giãn tiến độ, một phần cũng do khó khăn về tài chính, nên công việc này dự kiến sẽ tiếp tục khi điều kiện và hoàn cảnh thuận lợi hơn. Đối với nhà máy sản xuất ống thép, cần nhanh chóng ổn định sản xuất và phát triển thị phần, chuẩn bị sẵn sàng tiến hành đầu tư nhằm mở rộng diện tích xây dựng và bổ sung trang thiết bị theo yêu cầu phát triển sản lượng, sớm đạt mốc 80-100 ngàn tấn/năm. Các nhà máy coil center trước mắt sẽ tận dụng tối đa công suất thiết kế của máy móc thiết bị, sẽ tính toán việc đầu tư thêm gia tăng công suất khi cần thiết và phù hợp.
- Công tác xuất nhập khẩu – xu hướng nhập khẩu năm 2016 có khả năng giảm bớt do hạn chế tồn kho và nhà máy Formosa Hà Tĩnh sẽ đưa sản phẩm ra thị trường từ Q1/2016 nhằm thay thế một phần lượng nhập khẩu. Công tác xuất khẩu cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, ngoài các mặt hàng thường xuyên đã cung cấp, năm 2016 sẽ bắt đầu tiếp thị và xúc tiến từng bước để xuất khẩu mặt hàng ống thép đi các thị trường mới.
- Tiếp tục củng cố và tăng cường đội ngũ cán bộ quản trị, vận hành từ cấp chỉ huy đến các cơ sở thành viên. Từ sự chuyển đổi trách nhiệm hạch toán kinh doanh cho các công ty thành viên, toàn hệ thống sẽ có nhiều thay đổi về cơ chế trách nhiệm, phân cấp cụ thể rõ ràng, tạo thuận lợi hơn cho các công ty thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ, đồng thời với việc tăng cường giám sát, hỗ trợ của ban tổng giám đốc đối với các công ty thành viên nhằm đảm bảo tính xuyên suốt và phát huy tốt nhất sức mạnh tổng hợp của hệ thống SMC.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiệp vụ tài chính kế toán, duy trì công tác kế toán nề nếp phản ánh trung thực các hoạt động sản xuất kinh doanh. Gia tăng công tác quản lý và hạn chế rủi ro trong kinh doanh thương mại quản lý và sử dụng vốn. Về tín dụng, phấn đấu đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, làm nền tảng cho các mối quan hệ giữa doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng, phấn đấu duy trì mức vay hợp lý với lãi suất tốt nhất.
- Tiếp tục duy trì các giải pháp đã đề ra về 4 giảm 1 tăng bao gồm: giảm dự nợ và nợ đọng, giảm các chi phí trong chi tiêu mua sắm, giảm tối đa hàng tồn kho, giảm nợ vay ngân hàng, và tăng sản lượng, nhằm tăng lợi nhuận biên và tăng quay vòng vốn nhanh, hướng tới mục đích lâu dài là ổn định hoạt động góp phần đẩy lùi các khó khăn vướng mắc.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Định hướng phát triển dài hạn của Công ty giai đoạn 2016-2020

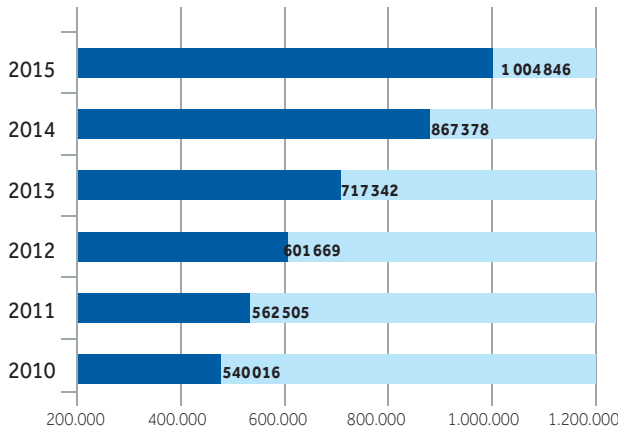


- Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong ngành thép với hoạt động chủ lực của toàn hệ thống là kinh doanh, đồng thời từng bước đẩy mạnh hoạt động gia công chế biến phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng và của thị trường. Hướng đến mục tiêu đạt sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống trên 1,2 triệu tấn vào năm 2020, trong đó nâng dần tỷ trọng thép đẹt tiến tới đạt 40% tổng tiêu thụ và từng bước gia tăng sản lượng mặt hàng ống thép.
- Đầu tư mới từ 1-2 nhà máy gia công chế biến thép trong giai đoạn 2016-2020 song song với phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề và mở rộng chuyên sâu theo năng lực thực tế, đi cùng với việc trang bị hệ thống thiết bị, máy móc đồng bộ và hiện đại, đủ sức cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước.
- Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng của toàn hệ thống tối thiểu 5% mỗi năm, hướng đến mục tiêu đạt hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh với lợi nhuận 100 tỷ đồng/năm. Duy trì năng lực xuất khẩu thép hàng năm với tỷ lệ tối thiểu đạt 10% tổng sản lượng tiêu thụ; linh hoạt điều hành hoạt động nhập khẩu, do cơ cấu sản xuất trong nước có sự thay đổi lớn, bảo đảm phục vụ tốt hoạt động kinh doanh và gia công chế biến.
- Cải thiện và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, giữ vững an toàn và sức mạnh tài chính, đảm bảo cung ứng đầy đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, với chi phí sử dụng vốn hợp lý và hiệu quả. Đưa mức vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng, nhằm tạo tính cân bằng trong cơ cấu nợ và vốn. củng cố vị thế của SMC trong quan hệ với các tổ chức tín dụng trong mọi tình huống, không gây ra ách tắc vốn kinh doanh dù chỉ trong thời gian ngắn.
- Không ngừng củng cố và vun đắp hoạt động của các công ty thành viên, đơn vị liên doanh liên kết, từng bước giữ vững ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động. Nâng tổng số CBCNV toàn hệ thống lên 600 người, có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, và rèn luyện để bổ sung liên tục cho đội ngũ quản lý và kinh doanh, nâng dần thu nhập bình quân cho CBCNV với mục tiêu tăng tối thiểu 5%/năm.

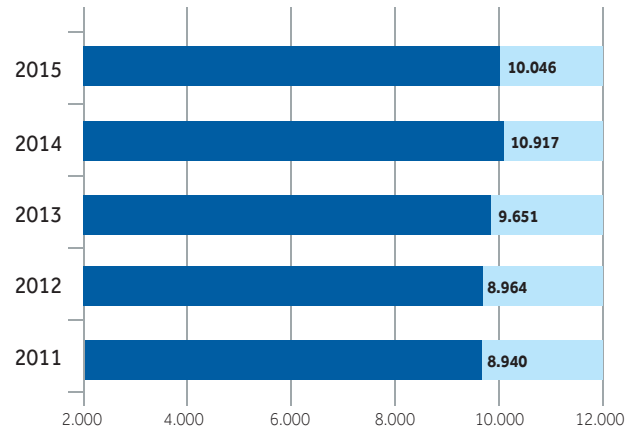
VI.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU TRONG NĂM

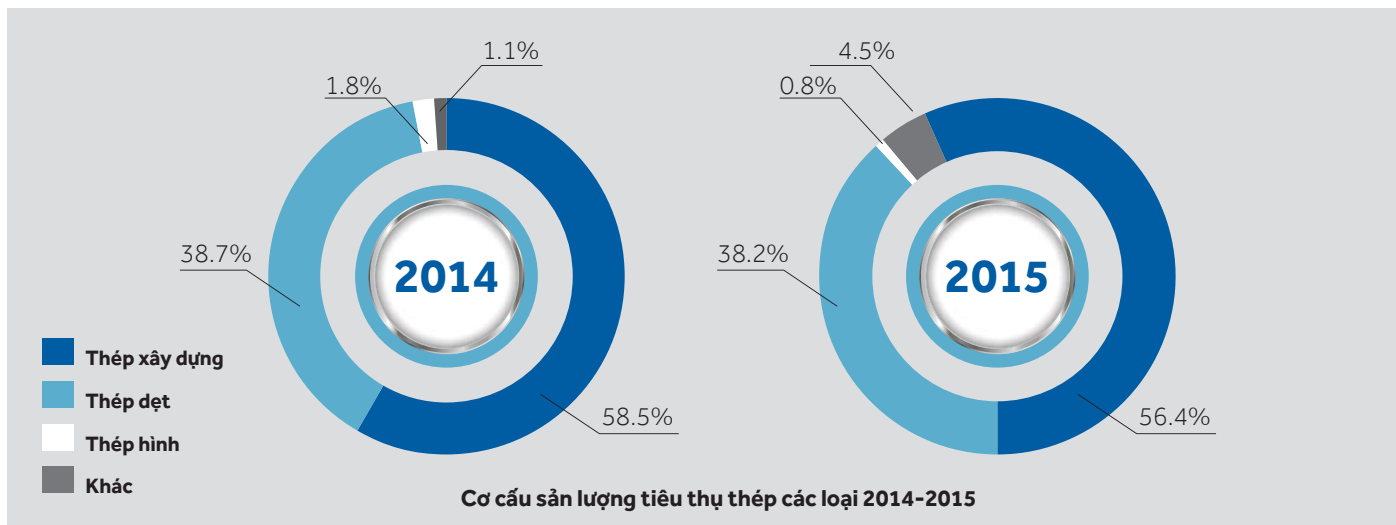
1. Sản lượng tiêu thụ và Doanh thu



Tổng sản lượng thép tiêu thụ 2010-2015



Doanh thu thuần 2011-2015



Cơ cấu sản lượng tiêu thụ thép các loại 2014-2015

Kết thúc năm 2015, SMC đạt 10.046,5 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 8% so với năm trước đó và thực hiện 95,7% kế hoạch đề ra. Tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại đạt 1.004.846 tấn, tăng 15,8% so với năm 2014 và đạt 118,2% kế hoạch. Với xu hướng giảm mạnh liên tục của giá nguyên liệu đầu vào và giá bán thép các loại trong năm 2015, sản lượng bán hàng tăng trưởng khả quan góp phần quan trọng giúp doanh thu năm 2015 không sụt giảm quá nhiều. Trong cơ cấu sản lượng thép tiêu thụ, thép xây dựng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn 56,4% trên tổng tiêu thụ.

Tổng sản lượng thép xây dựng bán trong năm 2015 đạt 567.220 tấn, tăng 11,8% so với năm trước đó. Thép tấm lá tiếp tục thể hiện vai trò là nhóm sản phẩm chủ lực thứ hai khi chiếm 38,2% tổng tiêu thụ. Tổng sản lượng thép tấm lá tiêu thụ năm 2015 đạt 384.133 tấn, tăng 14,5% so với năm 2014. Bên cạnh đó, sự ra đời của liên doanh nhà máy ống thép vào cuối năm 2015 cũng bắt đầu ghi nhận sản lượng bán ống thép trong năm 2015 đạt 14.836 tấn, chiếm 1,5% tổng sản lượng bán hàng, và hứa hẹn sẽ có đóng góp đáng kể hơn trong năm 2016.

VI.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU TRONG NĂM

2. Cơ cấu chi phí

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2014	2015	Tăng/Giảm %
Chi phí Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	10.593,7	9.901,8	-6,5%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	151,8	156,4	3,0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	97,6	102,4	4,9%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	118,9	151,2	27,2%
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	73,9	106,7	44,4%

Chi phí giá vốn hàng bán năm 2015 chỉ giảm 6,5% so với năm trước đó. Giá nguyên liệu thép đầu vào liên tục giảm mạnh trong năm tuy nhiên SMC vẫn còn bị ảnh hưởng bởi một phần hàng tồn kho giá cao làm cho mức giảm giá vốn hàng bán ít hơn so với mức giảm doanh thu thuần, biên lợi nhuận gộp năm 2015 vì vậy giảm đáng kể. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng nhẹ 3% và 5% so với năm trước. Với gần 16% tăng trưởng sản lượng bán

hàng trong năm, việc kiểm soát được chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức hợp lý thể hiện quyết tâm tiết giảm và kiểm soát chặt chẽ các chi phí kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, chi phí tài chính năm 2015 tăng mạnh 27,2% so với năm trước, trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay tăng đến 44,4% so với cùng kỳ. Việc phụ thuộc khá lớn vào nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng dẫn đến chi phí và rủi ro tài chính khá cao cho doanh nghiệp.

3. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2014	2015	Tăng/Giảm %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	323,4	144,7	-55,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24,9	-187,5	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,9	-196,1	n/a
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	3,0	1,4	-1,6%
Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	0,23	n/a	n/a
Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	0,18	n/a	n/a

Trong điều kiện chung còn nhiều thách thức trở ngại, cùng một số khó khăn nội tại, SMC đã có một năm kinh doanh không hiệu quả, và trải qua một trong những năm khó khăn nhất từ trước đến nay. Với lượng hàng tồn kho/nguyên vật liệu giá cao tương đối lớn và thanh khoản kém, Công ty đã không tận dụng được nguồn nguyên vật liệu giá rẻ theo xu hướng giá thép giảm mạnh

trong năm 2015, biên lợi nhuận gộp năm 2015 do đó giảm đáng kể từ mức 3% năm trước xuống chỉ còn 1,4%. Cùng với lợi nhuận gộp sụt giảm mạnh 55,3% so với năm trước, các chi phí khác đặc biệt là chi phí lãi vay tăng mạnh, đã dẫn đến một khoản lỗ kinh doanh trước thuế và sau thuế nặng nề cho Công ty năm 2015. Kết thúc năm 2015, SMC ghi nhận lỗ sau thuế 196 tỷ đồng.

4. Cơ cấu vốn

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2014	2015	Tăng/Giảm %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.103,1	3.027,0	-26,2%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	3.536,1	2.635,8	-25,5%
Nợ vay ngân hàng ngắn dài hạn	Tỷ đồng	2.790,0	1.891,8	-32,2%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	566,9	391,2	-31,0%
Nợ vay ngân hàng/Vốn CSH	%	492,2	483,6	-8,6%

Tổng tài sản Công ty kết thúc năm 2015 đạt hơn 3.000 tỷ đồng, giảm đáng kể 26,2% so với năm trước đó. Tổng nợ phải trả cũng giảm ở mức tương ứng, trong đó chủ yếu là khoản giảm gần 1.000 tỷ đồng tổng nợ vay ngân hàng ngắn và dài hạn, tương ứng giảm 32,2% so với năm 2014. Tuy nhiên với kết quả kinh doanh không đạt hiệu quả khi ghi nhận khoản lỗ lớn, tổng vốn chủ sở hữu Công ty cuối năm 2015 giảm mạnh 31% so với năm trước xuống chỉ còn hơn 391 tỷ đồng. Tỷ lệ tổng nợ vay ngân hàng trên vốn chủ sở hữu 2015 giảm nhẹ 8,6% so với năm trước nhưng vẫn còn ở mức rất cao gần 5x.



5. Năng lực hoạt động và khả năng thanh toán

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2014	2015	Tăng/Giảm %
Vòng quay phải thu	Ngày	32	28	-12,5%
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	40	18	-55,0%
Vòng quay phải trả	Ngày	24	25	4,2%
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,0	0,9	-10,0%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,7	0,7	0,0%



Các chỉ số tài chính về năng lực hoạt động cho thấy vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã có những cải thiện đáng kể. Chính sách quản lý, mua bán và tích trữ hàng tồn kho được thực hiện linh hoạt, phù hợp và kiểm soát chặt chẽ hơn, giúp giảm vòng quay hàng tồn kho xuống mức hợp lý cũng như ít rủi ro hơn so với năm 2015. Bên cạnh đó, vòng quay phải thu và phải trả cũng được giám sát chặt chẽ và duy trì ở mức thích hợp để đảm bảo cho doanh nghiệp có được một dòng tiền đủ sức cần thiết đáp ứng cho nhu cầu vốn lưu động. Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy Công ty vẫn đảm bảo được khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, việc tái cấu trúc tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động là hết sức cần thiết nhằm tăng cường và đảm bảo tính thanh khoản và an toàn cho Công ty.

VI.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU TRONG NĂM

6. Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu

	Đơn vị	2014	2015	Tăng/Giảm %	KH 2015	% Kế hoạch
Tổng sản lượng xuất khẩu	Tấn	86.231	151.750	75,9 %	90.000	168,6 %
Tổng sản lượng nhập khẩu	Tấn	364.096	427.085	17,3 %	350.000	122,0 %
SLXK / Tổng SL thép tiêu thụ	%	9,9	15,1	5,2 %	9,0	168,6 %

Tổng sản lượng xuất khẩu của SMC năm 2015 đạt 151.750 tấn thép các loại, tăng mạnh 75,9% so với năm trước và vượt đến 68,6% kế hoạch cả năm, nâng tỷ trọng hàng xuất khẩu trên tổng sản lượng tiêu thụ của Công ty tăng mạnh từ 10% năm 2014 lên 15,1% năm 2015. Tổng sản lượng thép các loại nhập khẩu năm 2015 đạt 427.085 tấn, tăng 17,3% so với năm 2014, và vượt 22% so với kế hoạch năm, trong đó tăng chủ yếu là mặt hàng thép dây (wire rod) cung cấp cho thị trường Campuchia và các nước lân cận.

Nhìn chung, hoạt động xuất nhập khẩu phát triển ổn định và đúng hướng, đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, gia công và phân phối chung của toàn hệ thống. Nhập khẩu bên cạnh việc đảm bảo đáp ứng đủ nguồn hàng và nguyên vật liệu cho hoạt động gia công chế biến và phân phối, còn được điều tiết và luôn kiểm soát chặt chẽ hơn trước xu hướng biến động bất lợi của giá thép. Việc cân đối giữa tiêu thụ - nhập khẩu - và khai thác nguồn hàng trong nước luôn được chú trọng nhằm tiết chế các ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống.

7. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án trong năm

Số vốn liên doanh

6 triệu USD

Trong năm 2015, công tác đầu tư, liên kết, phát triển vẫn tiếp tục khả quan, SMC tiếp tục góp vốn liên doanh với các tập đoàn lớn của Nhật Bản, với tổng số vốn đạt hơn 6 triệu USD.

- Từ một đơn vị liên doanh SMC – Summit, trong năm 2015, SMC đã phát triển thêm 02 công ty liên doanh với các đối tác Nhật. Từ 1/4/2015, SMC đã đưa xưởng Lưới thép hàn vào liên doanh với Công ty Hanwa và Toami của Nhật Bản, lập nên công ty liên doanh SMC – Toami chuyên sản xuất và cung cấp sản phẩm lưới thép hàn. Cùng lúc đó, SMC và Hanwa thống nhất thành lập công ty liên doanh ống thép Sendo chuyên sản xuất và cung cấp sản phẩm ống thép các loại.
- Đầu tư hoàn chỉnh nhà máy sản xuất thép ống Sendo với 03 hệ thống cuốn ống trong thời gian rất ngắn, bắt đầu triển khai xây dựng nhà máy từ ngày

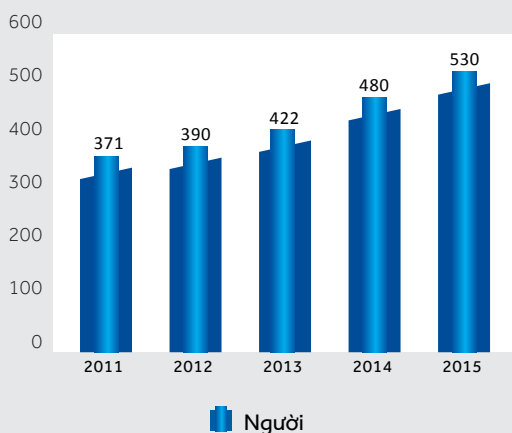
- 1/5/2015, đến tháng 12/2015 nhà máy đã bắt đầu chính thức đi vào hoạt động, còn tiếp tục đầu tư mở rộng tiến tới mục tiêu sản xuất và tiêu thụ 100.000 tấn thép ống các loại mỗi năm.
- Đầu tư hơn 60 tỷ cho hai dây chuyền thiết bị xả băng và một dây chuyền cán nguội thép.
- Đầu tư mới dây chuyền cán ép thép cán nóng nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho nhà máy thép ống Sendo, gia tăng năng lực tiêu thụ thép cán nóng loại 2, và đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh cho SMC.
- Tăng diện tích nhà xưởng thêm 5 ha, nâng tổng diện tích hệ thống sản xuất lên 16 ha.

8. Tổ chức và nhân sự

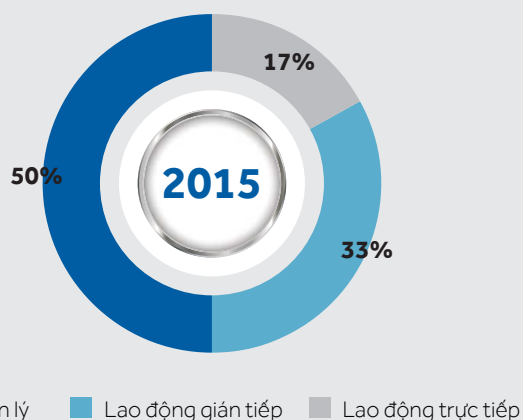


Việc mở rộng các hoạt động kinh doanh cốt lõi cùng với sự ra đời của các nhà máy Coil Center và các đơn vị thành viên mới trong suốt giai đoạn 2011 – 2015, kéo theo nhu cầu gia tăng về nhân sự và lao động cho toàn hệ thống. Tính đến 31/12/2015, số lượng nhân sự của SMC là 530 lao động, tăng 50 người, tương ứng 10,4% so với năm 2014. SMC sở hữu nguồn nhân lực trẻ, trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ cao, đáp ứng tốt cho định hướng phát triển lâu dài và bền vững của công ty.

Tổng số lao động qua từng năm



Cơ cấu lực lượng phân theo loại lao động năm 2015



Bổ nhiệm vị trí mới, thay đổi nhân sự chủ chốt trong Ban Điều hành năm 2015:

Năm 2015, SMC có nhiều thay đổi cơ cấu nhân sự như sau:

- Thành lập thêm một Phòng Thu mua.
- Tăng thêm một Phó Tổng Giám đốc – Bà Nguyễn Hồng Châu.
- Bổ sung thêm hai Giám đốc Đơn vị Thành viên: Ông Nguyễn Ngọc Hưng – Giám đốc Công ty TNHH Thép SMC và Ông Trương Văn Minh – Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC.
- Thay thế một Giám đốc Đơn vị thành viên: Ông Nguyễn Hữu Quốc Cường – Giám đốc kiêm nhiệm Công ty TNHH SMC Kinh doanh và Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương.
- Bổ nhiệm mới năm Phó Giám đốc Công ty Thành viên và nhiều cán bộ quản lý cấp Trưởng phòng và Phó phòng các Công ty Thành viên.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU TRONG NĂM

8. Tổ chức và nhân sự

SMC sở hữu nguồn nhân lực trẻ, năng động, có trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ cao, đáp ứng tốt cho định hướng phát triển bền vững và lâu dài của công ty, đồng bộ về đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường cùng với chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Kết hợp chặt chẽ hài hòa từ mảng tuyển dụng, đào tạo và đánh giá sàng lọc, luân chuyển, để bật nhân sự, đặt mục tiêu và lợi ích của toàn công ty lên hàng đầu. Từ năm 2011 đến năm 2015, nhân sự toàn hệ thống tăng 43%. Trong đó, hầu hết là nhân sự trẻ, mới tốt nghiệp từ các trường đại học, cao đẳng. Sau khi gia nhập SMC, tất cả CBCNV đều được đào tạo từ các kỹ năng mềm đến nghiệp vụ chuyên môn. Đặc biệt, SMC luôn chú trọng việc tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ về văn hóa doanh nghiệp với những bản sắc riêng của SMC được đúc kết và chọn lọc qua 27 năm hình thành và phát triển. Hằng năm, công ty sẽ xem xét để bật những cá nhân có năng lực và kinh

nghiệm phù hợp vào những vị trí, chức vụ cao hơn trong công ty, tạo điều kiện và khích lệ người lao động phấn đấu, nỗ lực không ngừng, đóng góp vào hiệu quả chung của toàn hệ thống SMC.

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho người lao động dựa theo cấp bậc, vị trí công việc, năng lực và thang bảng lương. Công ty đã xây dựng chính sách trả lương theo vị trí công việc và năng lực làm việc, điều chỉnh mức lương giữa các vị trí công việc và giữa các đơn vị thành viên trong hệ thống một cách hài hòa và hợp lý. Thu nhập bình quân của CBCNV SMC năm 2015 là 9,6 triệu đồng. Ngoài thu nhập hàng tháng, Công ty còn chú trọng chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc mang tính thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ, giúp ổn định cuộc sống cho người lao động.





Chiến lược sử dụng và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững

- Đa dạng trong cơ cấu và phân bổ lao động hợp lý
- Bảo đảm sức khỏe, ổn định việc làm cho người lao động
- Đào tạo hội nhập và phát triển nghề nghiệp
- Chính sách phúc lợi và đãi ngộ, thu hút và giữ chân nhân tài.
- Bảo đảm quyền của người lao động.

Cơ chế đánh giá nguồn nhân lực:

- Người lao động: Trình độ - Thái độ - Tác phong
- Công Ty: Chính sách đãi ngộ - Môi trường làm việc - Cơ hội thăng tiến

Công đoàn và các tổ chức đoàn thể:

- **Đảng bộ:** Lãnh đạo Đảng viên và các tổ chức chính trị xã hội thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.



Tham gia xây dựng và thực hiện điều lệ, các quy chế, quy định của doanh nghiệp.

- **Công đoàn:** Giáo dục chính trị tư tưởng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- **Đoàn Thanh niên:** Tập hợp giáo dục Đoàn viên thanh niên học tập, rèn luyện. Xây dựng phong trào thi đua "Tuổi trẻ đi đầu, hăng hái lao động sản xuất kinh doanh".

Chính sách phúc lợi:

- Lương, thưởng định kỳ hàng năm/ quý. Khen thưởng theo năng lực và kết quả kinh doanh.
- Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24.
- Theo dõi sức khỏe định kỳ hàng năm. Trợ cấp khó khăn.
- Tổ chức tham quan, du lịch, vui chơi ở các địa điểm trong và ngoài nước.



SMC tự hào có một đội ngũ CBCNV năng động, luôn tự nỗ lực để đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của công ty, tối đa hóa niềm tin và lợi ích của khách hàng, hướng tới một tương lai ổn định và bền vững theo đúng sứ mệnh "SMC khát khao được cống hiến trí tuệ và sức lực của mình vì sự tin cậy và lợi ích của khách hàng, vì tương lai ổn định và bền vững" cho ngành thép nói chung và cho hệ thống SMC nói riêng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt và hiệu quả hoạt động của công ty năm 2015

Hội đồng Quản trị đã thực hiện chức năng định hướng, giám sát hoạt động Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2015.

Tháng 07/2015 HĐQT thống nhất bổ nhiệm Bà Nguyễn Hồng Châu giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành thực hiện công tác kinh doanh đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Tháng 12/2015 HĐQT đã thống nhất giải thể chi nhánh SMC tại Đà Nẵng.

Trong năm tài chính, HĐQT đã tổ chức 12 phiên họp thường kỳ lẫn phiên họp bất thường với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Điều hành để hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty. Ngoài các phiên họp trên, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các TV.HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển nguồn lực, hoạt động đầu tư, điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; ban hành các văn bản và quy định nội bộ. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các TV.HĐQT và trên cơ sở lợi ích của các cổ đông vì sự phát triển bền vững của Công ty.



Bà Nguyễn Hồng Châu
Phó Tổng Giám Đốc Công ty



Báo cáo thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2015

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	850.000	1.004.846	118,2%
- Thép xây dựng	Tấn	500.000	567.220	113,4%
- Thép tấm lá	Tấn	310.000	351.318	113,3%
- Thép khác	Tấn	40.000	86.308	215,8%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.500	10.046	95,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50,0	-196,1	n/a
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Đồng/cp	0,0	0,0	n/a
Lựa chọn công ty kiểm toán	HĐQT lựa chọn Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2015			

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Năm 2015 ban tổng giám đốc đã nỗ lực hoàn thành tốt mục tiêu sản lượng, tạo đà đi lên rất thuận lợi cho hoạt động của SMC, liên tục xoay chuyển tìm kiếm và phát triển các mặt hàng mới, có lợi nhuận biên cao để gia tăng hiệu quả hoạt động cho toàn hệ thống; duy trì và phát triển thương hiệu và vị thế của SMC trên thương trường; giữ vững và phát huy sức mạnh của toàn hệ thống, ổn định bộ máy, mạnh dạn đẩy mạnh công tác sắp xếp đội ngũ cán bộ kế thừa; đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động ổn định của toàn hệ thống.

Tuy nhiên, năm 2015 SMC vẫn chưa đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận, nguyên nhân do tình hình khó khăn từ trong nước đến ngoài nước, từ các ngành kinh tế chung đến ngành thép nói riêng, cộng thêm yếu tố chủ quan về hàng hóa tồn kho giá cao từ năm trước chuyển sang, và giá cả liên tục sụt giảm không thể tiên lượng.

3. Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm

Thành viên và cơ cấu HĐQT trong năm

STT	Họ và Tên	Vị trí	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác
1	Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT	5.356.273	18.15%	Thành viên HĐQT CTCP Thép Thống Nhất / Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Nam Khang
2	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch HĐQT	2.679.099	9.08%	
3	Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT	105.667	0.36%	Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Ống thép SENDO
4	Taira Yoshiyuki	Thành viên HĐQT	0	0%	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hanwa Việt Nam
5	Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT độc lập	2.400	0.01%	Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủ Đức / Thành viên HĐQT Công ty CP Địa ốc 9
6	Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	Trưởng văn phòng đại diện Công ty quản lý quỹ Bảo Việt – Chi nhánh TPHCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp HĐQT trọng yếu trong năm

Định kỳ hàng quý HĐQT họp cùng với ban kiểm soát, ban TGD và một số cán bộ chủ chốt của Công ty để đánh giá việc thực hiện các chủ trương của HĐQT và kết quả kinh doanh của quý; thảo luận và thống nhất những chủ trương, giải pháp điều hành, kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo. Ngoài ra, HĐQT cũng tổ chức nhiều cuộc họp bất thường nhằm xem xét, thông qua kịp thời các chủ trương quan trọng liên quan đến công tác điều hành của ban TGD.

Phiên họp ngày	Thành viên tham gia	Nội dung chính của các cuộc họp
15.01.2015	5/6 Thành viên Vắng mặt Ông Taira Yoshiyuki	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 - Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 - Thảo luận và thông qua các dự án đầu tư năm 2015 - Kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2015
03.03.2015	5/6 Thành viên Vắng mặt Ông Ma Đức Tú	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh 02 tháng đầu năm 2015 và Phương hướng hoạt động thời gian tới. - Tình hình thực hiện các hoạt động đầu tư, liên doanh liên kết: Công ty TNHH SMC Toami, Công ty TNHH Liên doanh Ống thép SENDO, Dự án mở rộng Công ty TNHH Thép SMC. - Thông qua các nội dung, thời gian và địa điểm tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2015.
18.3.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ý kiến vay vốn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt để thực hiện phương án kinh doanh năm 2015. - Thống nhất ý kiến đồng ý bảo lãnh cho Công ty TNHH SMC Summit vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM để thực hiện phương án kinh doanh năm 2015.
08.4.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ý kiến tham gia tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để thực hiện phương án kinh doanh năm 2015.
20.5.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ý kiến đồng ý bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn để thực hiện phương án kinh doanh năm 2015.
01.6.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và kế hoạch năm 2015. - Nguồn tài trợ để thực hiện phương án Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của SMC và các Công ty thành viên. - Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nợ của SMC và các Công ty thành viên.
23.7.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2015 - Phương hướng 06 tháng cuối năm 2015 - Bổ sung thành viên Ban Tổng Giám đốc

Phiên họp ngày	Thành viên tham gia	Nội dung chính của các cuộc họp
28.7.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị thông qua việc tăng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM. - Sử dụng tài sản của Công ty TNHH Thép SMC, Công Ty Liên Doanh SMC SUMIT, Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước và Công ty CP Đầu Tư – Thương Mại SMC để thế chấp cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM để làm cơ sở thiết lập Hạn mức tín dụng và đảm bảo một phần nợ vay.
06.08.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Thép SMC
20.10.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2015 - Tình hình đầu tư và hoạt động vận hành của nhà máy Ống Thép SENDO - Phương hướng hoạt động kinh doanh Quý 4/2015
21.12.2015	5/6 Thành viên Vắng mặt Ông Taira Yoshiyuki	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận và thống nhất việc giải thể chi nhánh SMC Đà Nẵng
23.12.2015	6/6 Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC

4. Kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2016

Trong năm 2016 tới HĐQT sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban tổng giám đốc và ban điều hành Công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển và củng cố vị thế, lợi thế cạnh tranh tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong những năm tiếp theo. Tiếp tục tổ chức thường xuyên các phiên họp định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động và các vấn đề quan trọng chủ chốt khác của Công ty, nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, và tổ chức các phiên họp bất thường khác để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh. Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống.



VIII.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. Thông tin chung về cổ phiếu SMC

Mã chứng khoán	SMC		
Sàn niêm yết cổ phiếu	HSX		
Vốn điều lệ	295.183.610.000	Đồng	
Số cổ phiếu đang niêm yết	29.518.361	Cổ phiếu	
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 31/12/2015)	212.532.199.200	Đồng	
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2015	(6.643)	Đồng	
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2015	13.253	Đồng	

2. Cơ cấu cổ đông

Những thay đổi lớn và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm:

- Trong năm 2015, SMC không phát hành thêm cổ phiếu làm thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành và niêm yết.
- Một số giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan đã được thực hiện trong năm như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Tỷ lệ	Mua	Bán
Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	Con Mr. Nguyễn Ngọc Anh – Chủ tịch HĐQT	0	0,00	724.140	2,45	724.140	0

- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có
- Các giao dịch, công bố thông tin không theo quy định bị nhắc nhở xử phạt trong năm: không có
- Thông tin cổ đông theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 11/03/2016

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Cơ cấu cổ đông						
DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng vốn chủ sở hữu	263.760.880	89,35	31.422.730	10,65	295.183.610	100,00
Cổ đông sáng lập (*)	86.108.910	29,17	0	0,00	86.108.910	29,17
Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0,00	14.760.100	5,00	14.760.100	5,00
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	131.477.320	44,54	13.863.760	4,70	145.341.080	49,24
Cổ đông sở hữu dưới 1%	46.107.470	15,62	2.798.870	0,95	48.906.340	16,57
Cổ phiếu quỹ	67.180	0,02	0	0,00	67.180	0,02

(*) Cổ đông sáng lập bao gồm 02 cổ đông sở hữu trên 5%, 01 cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%, và 01 cổ đông sở hữu dưới 1%

Đơn vị tính: Cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông đặc biệt				
DANH MỤC	Số lượng cổ phần phổ thông sở hữu	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông đặc biệt	9.282.647	0	9.282.647	31,45
Hội đồng quản trị	8.143.439	0	8.143.439	27,59
Ban giám đốc	677.287	0	677.287	2,29
Ban kiểm soát	449.921	0	449.921	1,52
Kế toán trưởng	0	0	0	0,00
Trưởng phòng tài chính	12.000	0	12.000	0,04
Cổ đông nắm giữ >=5%	9.511.382	0	9.511.382	32,22
Nguyễn Ngọc Anh	5.356.273	0	5.356.273	18,15
Nguyễn Thị Ngọc Loan	2.679.099	0	2.679.099	9,08
Hanwa Co. Ltd	1.476.010	0	1.476.010	5,00
Cổ đông nước ngoài	3.142.273	0	3.142.273	10,65
Tổ chức	2.937.100	0	2.937.100	9,95
Cá nhân	205.173	0	205.173	0,70
Cổ phiếu quỹ	6.718	0	6.718	0,02

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Danh sách chi tiết cổ đông chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	CP phổ thông	CP hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc	5.356.273	0	5.356.273	18,15
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó chủ tịch HĐQT - Phó TGD	2.679.099	0	2.679.099	9,08
Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT	2.400	0	2.400	0,01
Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	0	0	0	0,00
Hanwa Co., Ltd	Thành viên HĐQT	1.476.010	0	1.476.010	5,00
Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT - Phó TGD	105.667	0	105.667	0,36
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	570.499	0	570.499	1,93
Nguyễn Bình Trọng	Phó TGD	106.788	0	106.788	0,36
Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng BKS	6.480	0	6.480	0,02
Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên BKS	441.154	0	441.154	1,49
Trần Thụy Bích Hân	Thành viên BKS	2.287	0	2.287	0,01
Đỗ Doãn Thành Công	Kế toán trưởng	0	0	0	0,00
Trương Tuấn Dũng Hùng	Giám đốc Tài chính	12.000	0	12.000	0,04

- Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không

- Danh sách cổ đông chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng: Không

3. Thù lao, chi phí của HĐQT và BKS



Do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn, không có lợi nhuận trong năm 2015, nên Công ty chỉ thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT độc lập, các thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động của Công ty với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)
Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT	20.000.000
Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	20.000.000
Taira Yoshiyuki	Thành viên HĐQT	20.000.000

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Vị trí	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác
1	Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban	6.480	0.12	Không
2	Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành Viên	441.154	1.49	Không
3	Trần Thụy Bích Hân	Thành Viên	2.287	0.01	Không

2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2015

Đánh giá công tác chỉ đạo hoạt động của HĐQT

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2015 đều thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty. HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015, các nội dung trong nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015 thông qua. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ ban TGD, các phòng ban, đơn vị thành viên điều hành hoạt động SXKD vượt qua khó khăn, thách thức, duy trì hoạt động của hệ thống ngày càng vững chắc. HĐQT đã mạnh dạn và thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, cơ cấu bộ máy điều hành của các bộ phận, đơn vị thành viên nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục và mang lại hiệu quả cao hơn. Giữa BKS và HĐQT, Ban TGD luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có Ban kiểm soát tham dự, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai, đúng quy định.

Đánh giá công tác chỉ đạo hoạt động của HĐQT

Ban TGD đã triển khai, chỉ đạo các bộ phận, đơn vị thành viên thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao, tăng cường công tác quản lý, đánh giá phân loại, có biện pháp thu hồi, xử lý các khoản nợ, hàng tồn kho... để toàn hệ thống hoàn thành kế hoạch SXKD. Mặc dù tình hình kinh doanh không thuận lợi nhưng ban TGD đã sẵn sàng đối mặt với rất nhiều khó khăn, duy trì hoạt động của doanh nghiệp, chờ thời cơ mới để tạo lập những bứt phá, bù đắp cho hoạt động của doanh nghiệp, phát triển theo định hướng dài hạn.



Thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 2015

BKS đồng ý với ý kiến của Công ty Kiểm toán DFK về Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

| BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá hoạt động đầu tư tài chính năm 2015:

SMC đã phát huy mạnh mẽ hoạt động liên doanh liên kết, nâng cao vị thế trên thương trường, đặc biệt với các tập đoàn lớn của Nhật Bản. Đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn mà không phải doanh nghiệp nào cũng có được. Hoạt động đầu tư, xây dựng nhà máy của SMC đã được hệ thống hóa, chuẩn mực từ thiết kế, máy móc đến công nghệ, vận hành nên các dự án mới, nhà máy mới sau này càng được thuận lợi hơn. Điều này giúp SMC phát huy sức mạnh hệ thống, đồng thời

tiết kiệm được nguồn vốn đầu tư. Tháng 9/2014, thành lập Liên Doanh sản xuất Lưới Thép Hàn – Công ty TNHH SMC –Toami với vốn góp chiếm 25%. Tháng 12/2015, thành lập Nhà máy ống thép Sendo – Công ty TNHH Liên Doanh Ống thép Sendo với vốn góp 75%. Tổng đầu tư góp vốn cho hai liên doanh tương đương 6 triệu USD. Đầu tư hơn 60 tỷ cho các máy móc thiết bị của hệ thống nhà máy Coil Center. Hệ thống bốn nhà máy gia công Coil Center

tiếp tục hoạt động ổn định, với sản lượng tăng trưởng tốt qua các năm thực hiện.

Trong năm qua, SMC vẫn duy trì và giữ vững mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh đúng mực, kịp thời đề ra các giải pháp xử lý phù hợp nhằm đảm bảo nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và có mức lãi suất hợp lý.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	KH 2015	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	867.378	1.004.846	850.000	118,2%
Doanh thu	Tỷ đồng	10.917	10.046	10.500	95,7%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,9	-196,1	50,0	n/a
Xuất khẩu	Tấn	86.231	151.750	90.000	168,6%
Nhân sự	Người	480	530	500	106,0%

BKS đánh giá cao nỗ lực vượt bậc của toàn hệ thống với mức sản lượng hơn 1 triệu tấn thép trong năm 2015, vượt xa kế hoạch 850.000 tấn của năm. Những năm gần đây, thị phần của SMC chiếm khoảng 7% tổng lượng tiêu thụ thép của cả nước, nhưng một điều rất đáng tiếc và chưa

bù đắp cho công sức cố gắng của tất cả CBCNV, ban TGD, và HĐQT của Công ty đó là hiệu quả kinh doanh năm 2015 không có. BKS nhận thấy rõ, mục tiêu lợi nhuận vẫn là trách nhiệm nặng nề, vẫn là nỗi lo lắng cho tất cả mọi người, đặc biệt là đối với HĐQT và ban điều hành Công ty.

3. Kiến nghị của BKS

Duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các qui trình theo tình hình thực tế hoạt động, mang tính chuyên nghiệp hơn để hướng dẫn cho toàn hệ thống thực hiện. Kien toàn bộ máy, tăng cường quản lý giám sát, theo dõi sắp xếp cơ cấu các đơn vị thành viên để đáp ứng tốc độ phát triển của Doanh Nghiệp, của thị trường trong và ngoài nước. Tiếp tục thắt chặt quản lý rủi ro trong kinh doanh và tài chính chủ yếu ở các khâu tín dụng,

tỷ giá, tồn kho hàng nhập khẩu. Tăng cường công tác dự báo các biến động của nền kinh tế thế giới và trong nước để chủ động đề ra các giải pháp tài chính linh hoạt, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

BKS nhiệm kỳ mới sẽ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo qui định của Luật Doanh Nghiệp và qui chế hoạt động của Công ty.



| BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững

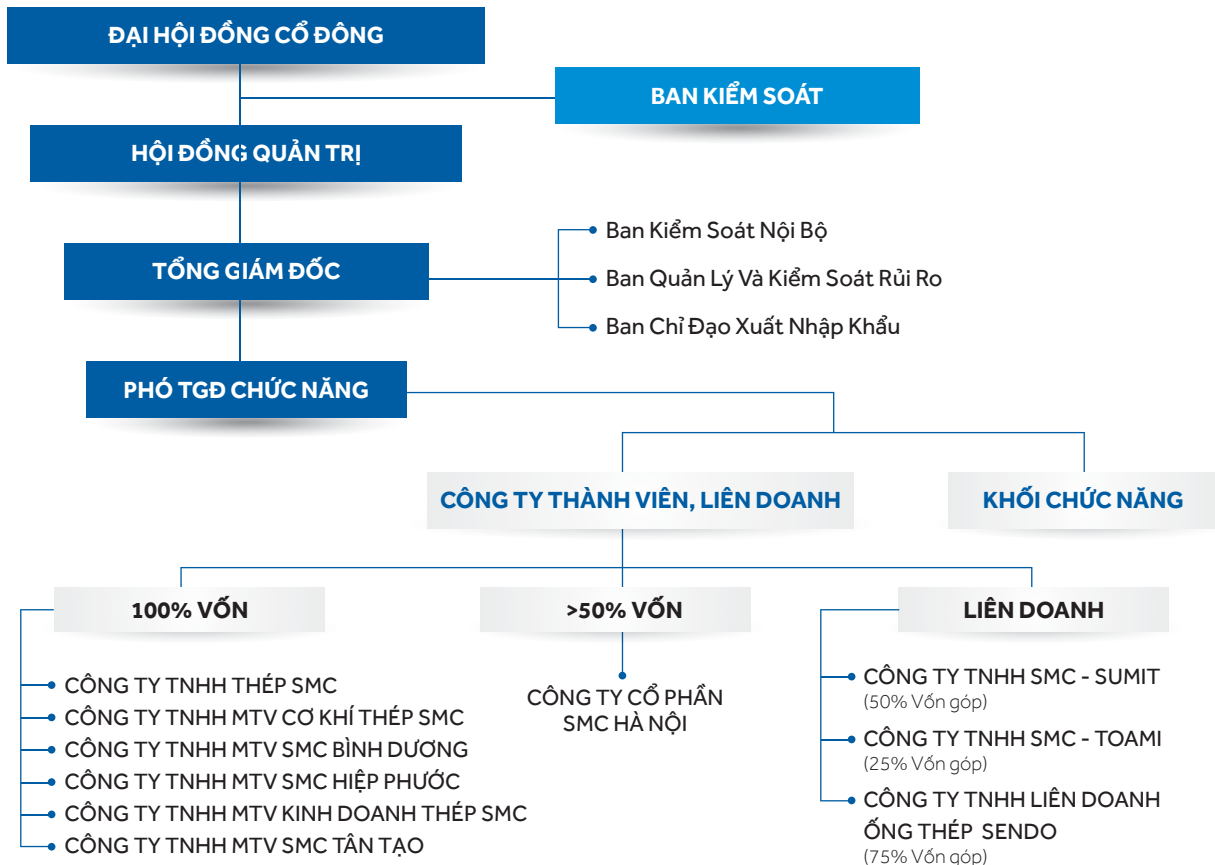
Qua gần 27 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, SMC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức, trong đó tập trung vào việc thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng vững chắc trong dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan. Sau 7 năm đầu tư mạnh vào chức năng sản xuất và gia công chế biến các sản phẩm thép, đến nay SMC đã có 4 nhà máy Coil

Center, 1 nhà máy Liên Doanh sản xuất thép ống, 1 nhà máy Liên doanh sản xuất Lưới Thép Hàn, tiến tới hoàn thiện hệ thống sản xuất gia công chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như cung cấp danh mục sản phẩm đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và thị trường.

Việc đầu tư hệ thống Coil Center với dây chuyền thiết bị hiện đại và chuyên nghiệp đã từng bước khẳng định vị thế của SMC trên thị trường và đã thể hiện rõ nét mục tiêu, phương hướng trong hoạt

động đầu tư với yêu cầu phải luôn phát triển ổn định, bền vững, có tầm nhìn hướng đến sự lâu dài, làm thay đổi căn bản bộ mặt và bảo đảm cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai của toàn hệ thống thương hiệu SMC bên cạnh đó đảm bảo được ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế – Xã hội – Môi trường. Phương thức triển khai chiến lược phát triển bền vững của SMC được thể hiện qua hoạt động quản trị doanh nghiệp, đảm bảo toàn bộ hệ thống SMC hoạt động đồng nhất và gắn kết.

Mô hình quản trị doanh nghiệp





X.

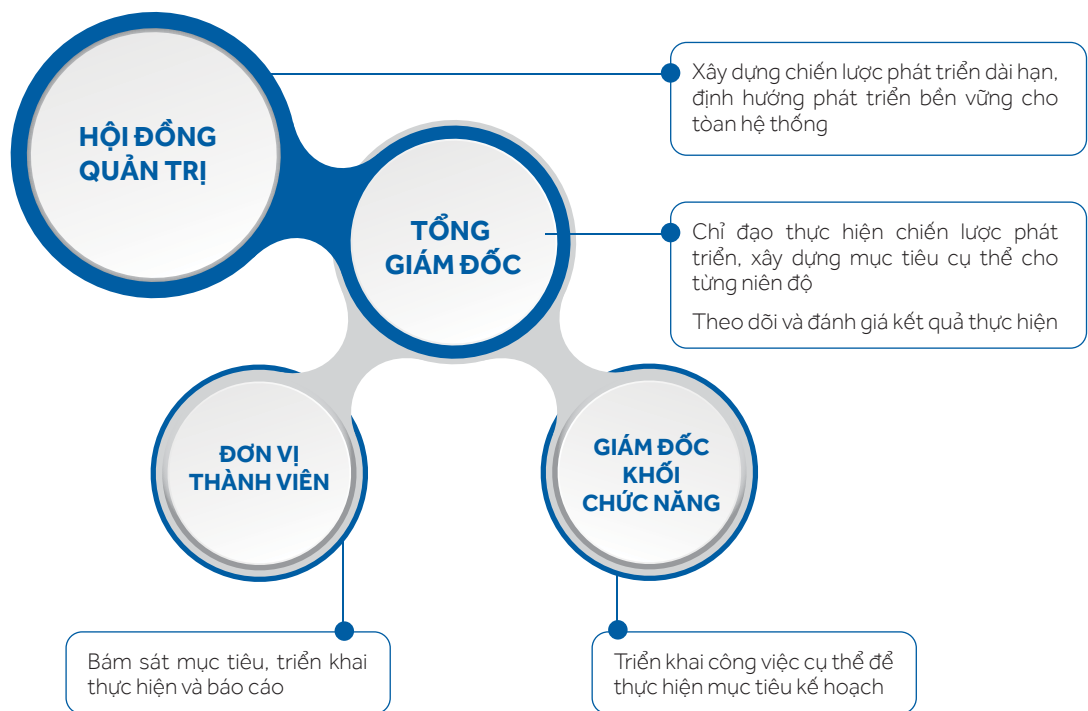
| BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Quản trị Công ty mẹ

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Công ty SMC bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng. Chức năng, quyền

hạn, mối liên hệ công việc và cơ chế báo cáo, kiểm soát được Công ty quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị hệ thống ban hành lần đầu tháng 12 năm 2011.



Quản trị giữa Công ty mẹ (SMC) và các công ty thành viên

Quan hệ giữa Công ty Mẹ (SMC) với các công ty thành viên được thực hiện theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty SMC và các quy định của pháp luật có liên quan. Đến tháng 12.2015 SMC có 6 công ty thành viên với 100% vốn góp; 1 công ty thành viên với 80% vốn góp, 3 công ty liên doanh (trong đó 1 công ty với 50% vốn góp, 1 công ty với 25% vốn góp, 1 công ty với 75% vốn góp), công ty SMC thực hiện quyền sở hữu/góp vốn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty thành viên. Nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tài sản, thực hiện đồng nhất các chính sách trong toàn hệ thống, tăng cường vai trò quản lý, giám sát của SMC đối với các công ty thành viên trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ được

giao, SMC đã ban hành quy chế quản lý hệ thống lần thứ nhất vào tháng 12/2011 và sửa đổi lần thứ hai tháng 12/2012.

Trong 9 năm thực hiện theo mô hình quản trị Công ty mẹ - Công ty con, Công ty SMC đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị, phân tách rõ trách nhiệm giữa Công ty mẹ và các đơn vị thành viên nhằm tạo sự chủ động cho các đơn vị trong tổ chức hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo cơ chế quản trị xuyên suốt trong toàn hệ thống nhằm tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp, nâng cao tính chuyên nghiệp, năng suất lao động từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh để đảm bảo tính bền vững.

Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình

Với định hướng phát triển bền vững, SMC luôn chú trọng tính minh bạch để giúp nhà đầu tư, nhà cung cấp, khách hàng có thể hiểu được cụ thể tình hình doanh nghiệp, luôn quan tâm công tác công bố thông tin về tình hình hoạt động, thông tin về tài chính kế toán cũng như hàng loạt các thông tin phát

sinh trong quá trình hoạt động của mình, luôn đảm bảo các thông tin được công bố rõ ràng, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan để nhà đầu tư, nhà cung cấp và khách hàng, dễ dàng truy cập và kiểm tra thông tin, đồng thời sẵn sàng giải trình theo yêu cầu đối với kết quả hoạt động.

Hệ thống kiểm soát nội bộ

Ban kiểm soát nội bộ:

- Kiểm soát quá trình xử lý thông tin, kiểm tra tính xác thực, đầy đủ của thông tin, kiểm soát chặt chẽ hệ thống chứng từ, sổ sách.
- Bảo vệ tài sản (kiểm soát vật chất): định kỳ thực hiện việc so sánh, đối chiếu giữa sổ sách kế toán và tài sản hiện có trên thực tế.
- Phân tích rà soát: xem xét lại những việc đã được thực hiện bằng cách so sánh số thực tế với số kế hoạch, dự toán, kỳ trước để phát hiện những vấn đề bất thường (nếu có), để có thể thay đổi / điều chỉnh kịp thời chiến lược kế hoạch.

Ban quản lý và kiểm soát rủi ro: đánh giá và phân tích những nhân tố ảnh hưởng tạo nên rủi ro cho hoạt động của doanh nghiệp, trong đó SMC sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như: phương tiện dự báo, phân tích dữ liệu, rà soát hoạt động thường xuyên để ước lượng tầm cỡ của rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động, xem xét khả năng xảy ra rủi ro và những biện pháp có thể sử dụng đối phó với rủi ro.



X.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xây dựng và quảng bá thương hiệu: Duy trì công tác quảng bá thông qua 03 kênh chính:

- Thông tin trong nội bộ SMC: Đó là việc phổ biến những thông tin về sản phẩm, dịch vụ, định hướng phát triển đến toàn thể cán bộ nhân viên. Bởi hơn ai hết, CBNV là những người trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng – đây là kênh truyền tải thông điệp hiệu quả từ doanh nghiệp đến với khách hàng
- Thông tin cho báo giới, cơ quan truyền thông: SMC duy trì các hoạt động quảng bá thông tin về hoạt động, về sản phẩm dịch vụ ... thông qua các kênh truyền hình (VTV, HTV...), báo chí, tạp chí

(Thời báo kinh tế sài gòn, Đầu tư tài chính, Đầu tư; Tạp chí Connection...), các trang báo mạng (diendandoanhnghep, thesaigontimes, diendanhopta-cdautu ...)

- Cung cấp thông tin cho đối tác, khách hàng, cổ đông: Thông qua các ấn phẩm báo cáo thường niên, hồ sơ năng lực, catalogue sản phẩm... Bên cạnh đó chú trọng cập nhật thông tin thường xuyên, liên tục lên website của Công ty



Sự tham gia của các bên liên quan

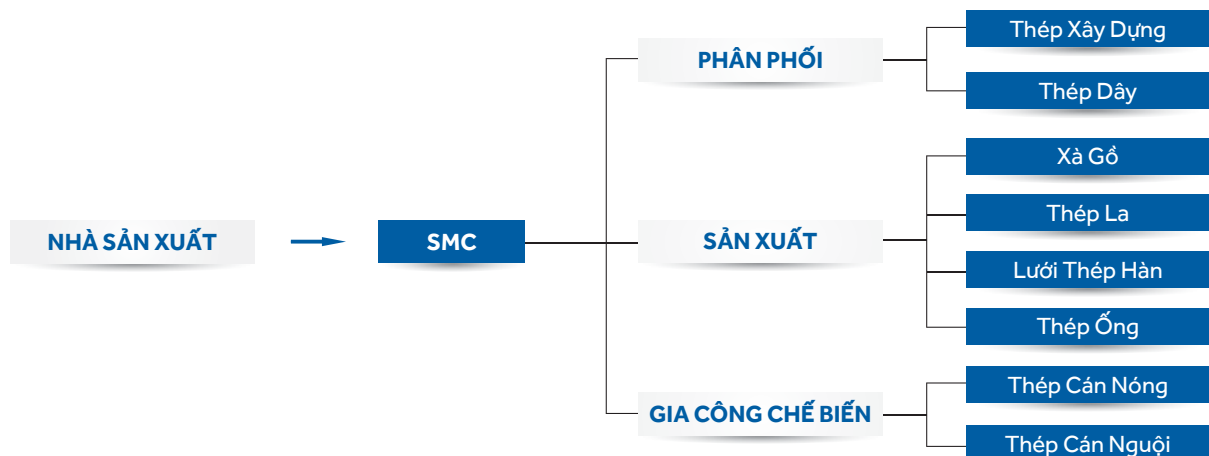
Phần báo cáo bền vững được xác định dựa trên hoạt động của Công ty và các bên liên quan bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Trên cơ sở tham vấn ý kiến của nhà đầu tư, cổ đông, nhân viên, các nhà cung cấp và khách hàng, SMC xác định các lĩnh vực trọng yếu trong phần báo cáo này như sau:

• Sản phẩm

Phát triển sản phẩm mới cung ứng cho nhu cầu của khách hàng.

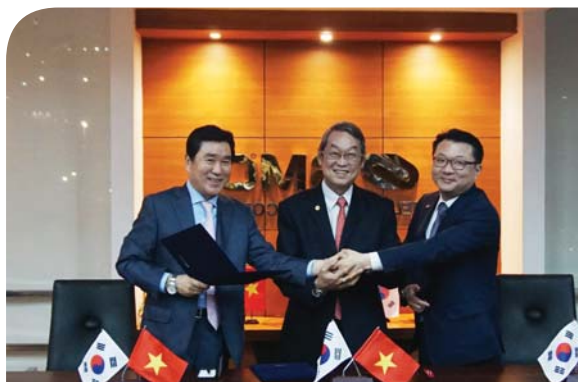
Với định hướng phát triển ổn định bền vững, từ một doanh nghiệp kinh doanh thương mại sắt thép (chủ yếu là thép xây dựng) đơn thuần, năm 2006 SMC bắt đầu tham gia vào lĩnh vực gia công chế biến thép (coil center), đến nay SMC đã trở

thành doanh nghiệp sở hữu hệ thống coil center lớn nhất, hiện đại nhất tại Việt Nam. Bên cạnh việc mở rộng lĩnh vực gia công chế biến thép, SMC thực hiện khảo sát thị trường thế giới và trong nước và đã hoàn tất đầu tư và đưa vào vận hành nhà máy sản xuất thép ống, cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.



• Cổ đông, nhà đầu tư – Đảm bảo đầu tư an toàn, sinh lợi

SMC luôn thực hiện công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư một cách đầy đủ, rõ ràng, và minh bạch, chủ động công bố thông tin về hoạt động và kết quả kinh doanh theo từng tháng, quý, năm. Các sự kiện và hoạt động khác của SMC cũng luôn được cập nhật thường xuyên trên website của công ty, của sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, và các kênh truyền thông về kinh tế tài chính. Hướng tới chuẩn mực quốc tế trong việc nâng cao chất lượng công tác quan hệ với nhà đầu tư (IR), đối tác, gia tăng niềm tin và nâng cao tiêu chuẩn minh bạch theo chuẩn mực quốc tế, trên cơ sở các hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM, IFC và đơn vị tư vấn chuyên nghiệp về chuyên môn, SMC đã, đang và sẽ duy trì việc thông tin kịp thời, đầy đủ, trách nhiệm đến nhà đầu tư, cổ đông và đối tác. Trong năm 2015 ban lãnh đạo Công ty cũng liên tục trao đổi và phản hồi thông tin với những cổ đông thực sự quan tâm đến hoạt động của doanh



nh nghiệp bằng hình thức văn bản, email và điện thoại. Qua đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất cảm ơn những ý kiến đóng góp của quý cổ đông trong việc điều hành hoạt động của doanh nghiệp.

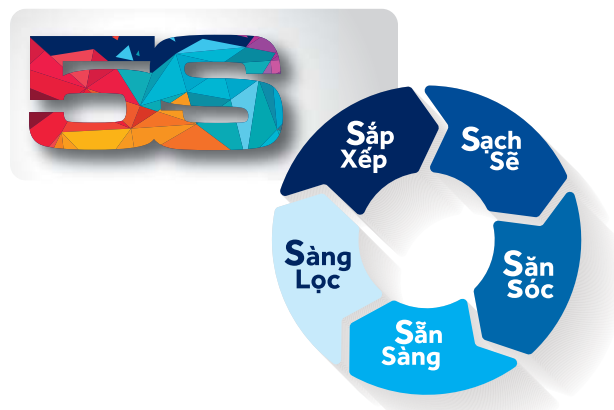
• An toàn lao động – Đảm bảo an toàn lao động tại các nhà máy

Đến năm 2015 SMC có 04 nhà máy gia công chế biến thép với 264 cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp, thép là ngành công nghiệp nặng vì vậy đòi hỏi tính an toàn phải luôn được đề cao. SMC đã thực thi các hoạt động để đảm bảo an toàn lao động:

- Đầu tư hệ thống máy móc mới, đồng bộ, hiện đại, an toàn được sản xuất tại Đài Loan, dù chi phí cao nhưng đảm bảo được an toàn lao động.
- Xây dựng hệ thống lắp đặt máy logic, khoa học,

đảm bảo an toàn trong vận hành.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, yêu cầu CBCNV nghiêm ngặt thực hiện các quy định về an toàn lao động
- Xây dựng, triển khai và kiểm tra 5S (sắp xếp – sạch sẽ – sẵn sàng - sẵn sóc - sàng lọc)
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc, hệ thống điện, cầu trục.
- Tổ chức đội ngũ an toàn viên trong các nhà máy để xác định những nguy cơ tai nạn dễ xảy ra, triển khai nhắc nhở, lưu ý cán bộ nhân viên khi tham gia vào sản xuất.





| BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

• Môi trường làm việc: xanh – sạch – đẹp



Môi trường sống đang là sự quan tâm mang tính toàn cầu. Ô nhiễm môi trường và những tác hại của nó đối với cuộc sống ngày càng nặng nề hơn, khí hậu ngày càng khắc nghiệt và khó dự báo hơn, mưa bão hạn hán thất thường, suy thoái đất, nước, suy giảm nguồn tài nguyên rừng, ô nhiễm môi trường xảy ra trên diện rộng, để lại những tác hại ghê gớm khôn lường về của cải và tính mạng. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường. Nếu chúng ta đòi hỏi hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn toàn không ảnh hưởng đến môi trường

thì chắc chắn không có bất kỳ hoạt động kinh tế nào xảy ra.

Trong lĩnh vực sản xuất đối với tất cả các nhà máy, SMC luôn triệt để tuân thủ các chuẩn mực, quy định về xử lý chất thải, môi trường, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và nhà nước với tinh thần tự giác và trách nhiệm xã hội cao nhất. Công ty không ngừng tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới thân thiện với môi trường vào quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa chất phát thải ra môi trường xung quanh. Các nhà máy của SMC được xây dựng tại



KCN Tân Tạo, KCN Phú Mỹ, KCN Đồng An, KCN Quang Minh, tất cả đều xa khu dân cư, hạ tầng được đầu tư đồng bộ theo yêu cầu và tiêu chuẩn của KCN. Đối với hoạt động gia công chế biến của các nhà máy việc tiêu thụ điện năng, nước thải, chất thải, khí thải, tiếng ồn đều ở mức thấp. Bên cạnh đó SMC luôn thực hiện các biện pháp hạn chế tối đa tác động đến môi trường

- Tiêu thụ điện năng : trang bị hệ thống tôn sáng, bố trí ca làm việc hợp lý để giảm tiêu thụ điện
- Nước thải, khí thải: hoạt động gia công chế biến thép không phát sinh nước thải, khí thải công nghiệp
- Nhiệt: Phát sinh từ hệ thống máy, SMC trang bị hệ thống tản nhiệt để hạn chế tối đa ảnh hưởng
- Tiếng ồn: phát sinh từ hệ thống máy, SMC trang bị bảo hộ lao động và thực hiện thường xuyên chế độ bảo trì máy móc để giảm thiểu tác động
- Phế phẩm, phế liệu: tái sử dụng cho ngành thép (nấu phối thép)

• Phát triển cộng đồng, địa phương – chia sẻ thành quả, chung tay vì cộng đồng

SMC luôn gắn hoạt động của mình với hoạt động xã hội từ thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương nơi SMC có văn phòng, nhà máy như ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt, quỹ vì người nghèo quận Bình Thạnh, quỹ xã hội từ thiện Công đoàn Công thương Việt Nam, quỹ khuyến học UBND Phường 25, Bình Thạnh, quỹ Vì người nghèo của Mặt trận Tổ quốc...



• Nhà cung cấp – Cung cấp sản phẩm đủ tiêu chuẩn ra thị trường



Trong hoạt động của SMC, nhà cung cấp đóng vai trò quan trọng, vì SMC không sản xuất thép, mà sử dụng sản phẩm thép của các nhà sản xuất trong ngoài nước để cung cấp cho thị trường và gia công chế biến, sản xuất các sản phẩm từ thép để cung cấp cho nhu cầu của khách hàng. Việc lựa chọn nhà cung cấp mang tính quyết định đối với hoạt động của SMC, trên cơ sở đánh giá chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp và các yêu cầu liên quan vấn đề môi trường và xã hội như nguồn gốc hàng hoá, kết quả kiểm tra thử nghiệm mẫu, phiếu chứng nhận chất lượng hàng hoá, hệ thống quản lý chất lượng, và bảo hành hàng hoá.

• Tăng trưởng bền vững

SMC tập trung đi sâu vào phát triển thị phần, nâng cao năng suất, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, phát triển thị trường nước ngoài và nhất là đẩy mạnh hoạt động phát triển theo chiều sâu trong lĩnh vực gia công chế biến nhằm chuyển dịch cơ cấu sản phẩm để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững. Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi, đó là hoạt động sản xuất kinh doanh thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trên thương trường với những thành quả đáng ghi nhận: là doanh nghiệp thương mại có sản lượng tiêu thụ thép xây dựng lớn nhất Việt Nam và là doanh nghiệp có hệ thống Coil Center lớn nhất Việt Nam. Với chuỗi khó khăn liên tục và kéo dài qua nhiều năm, SMC vẫn tiếp tục đứng

vững, kiên trì đối đầu với thử thách, duy trì hoạt động kinh doanh và ngày càng khẳng định được vị thế của mình trên thương trường. Qua đó đã thấy rõ những định hướng đúng đắn mà SMC đã và đang áp dụng, phát huy được lợi thế, giúp SMC phát triển bền vững mang lại lợi ích cho cổ đông và đối tác. Với trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, vì sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan đoàn thể, CBCNV, chúng tôi sẽ quyết tâm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các định hướng đúng đắn mà Công ty đã và đang thực hiện trong quãng đường hình thành và phát triển.



CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty: Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ gồm:

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Trụ sở chính:	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ:	60 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu:	100%
Hoạt động chính:	Coil Center - Sản xuất, gia công xà băng, cắt tấm các loại thép tấm lá
Sản phẩm:	Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng đã tây gỉ, thép lá mạ điện, thép lá mạ kẽm, thép lạp mạ màu, thép không gỉ, thép hình, lưới thép hàn, cốt thép...



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.516,1	1.381,6	-8,9%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	63,5	57,9	-8,8%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30,2	13,3	-56,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25,5	11,1	-56,5%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	485,8	387,1	-20,3%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	413,4	311,1	-24,7%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	72,4	76,0	5,0%
LNST / Doanh thu thuần	%	1,7	0,8	-0,9%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	5,2	2,9	-2,3%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	35,2	14,6	-20,6%

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THÉP SMC

Trụ sở chính:	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ:	100 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu:	100%
Hoạt động chính:	Coil Center - Sản xuất, gia công, xử lý thép cuộn cán nóng
Sản phẩm:	Thép tấm cán nóng, thép tấm cán nóng phi quy cách, thép lá mạ...



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.157,7	1.825,6	-15,4%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	27,3	-235,4	n/a
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-20,2	-303,5	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-17,6	-302,6	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	908,1	296,4	-67,4%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	825,8	516,7	-37,4%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	82,3	-220,3	n/a
LNST / Doanh thu thuần	%	-0,8	n/a	n/a
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	-1,9	n/a	n/a
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-21,4	n/a	n/a

CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MTV SMC BÌNH DƯƠNG

Trụ sở chính:	Đường số 5, KCN Đồng An, P. Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
Vốn điều lệ:	30 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu:	100%
Hoạt động chính:	Kinh doanh vật liệu xây dựng, phân phối thép cho thị trường Đông Nam Bộ
Sản phẩm:	Bê tông cốt thép, sắt thép các loại, thép hình, thép dây, thép gân, thép tấm lá...



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.303,8	980,8	-24,8%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	24,4	25,3	3,7%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,5	0,6	-60,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,2	0,4	-66,7%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	231,6	135,0	-41,7%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	200,5	103,4	-48,4%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	31,2	31,6	1,3%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,1	0,04	-0,06%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,5	0,3	-0,2%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,8	1,3	-2,5%

CÔNG TY TNHH MTV KINH DOANH SMC

Trụ sở chính:	124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ:	20 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu:	100%
Hoạt động chính:	Kinh doanh vật liệu xây dựng, cung cấp thép cho thị trường khu vực Nam bộ bao gồm các tỉnh miền Tây và các khu vực lân cận TPHCM
Sản phẩm:	Thép xây dựng các loại, xi măng, clinker...



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.235,7	1.017,0	-17,7%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	44,3	32,3	-27,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,5	3,6	-57,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,6	2,4	-63,6%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	299,3	212,3	-29,1%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	272,7	183,3	-32,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	26,6	29,0	9,0%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,8	0,2	-0,6%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	3,1	1,1	-2,0%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	24,8	8,3	-16,5%

CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN SMC HÀ NỘI

Trụ sở chính:	Lô số 47, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
Vốn điều lệ:	21,28 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu:	82,11%
Hoạt động chính:	Coil Center – sản xuất gia công chế biến thép tấm lá, phân phối sắt thép các loại cho thị trường miền Bắc
Sản phẩm:	Thép xây dựng, thép lá đen, thép lá mạ, inox...



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	504,5	527,5	4,6%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	17,5	20,1	14,9%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,2	6,2	93,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,2	5,1	59,4%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	198,1	153,3	-22,6%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	173,4	123,9	-28,5%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	24,7	29,5	19,4%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,6	1,0	0,4%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	1,6	3,3	1,7%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,0	17,3	4,3%

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Trụ sở chính:	Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TPHCM
Vốn điều lệ:	80 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu:	100%
Hoạt động chính:	Coil Center – sản xuất gia công chế biến thép tấm các loại, kho bãi lưu trữ hàng hóa
Sản phẩm:	Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nóng phi quy cách (secondary), thép cường độ chịu lực cao...



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.235,9	1.382,7	11,9%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	22,2	34,6	55,9%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,9	1,1	-62,1%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,2	0,9	-59,1%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	334,4	424,2	26,9%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	252,2	341,1	35,2%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	82,2	83,1	1,1%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,2	0,07	-0,13%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	0,7	0,2	-0,5%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,7	1,1	-1,6%

CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH MTV SMC HIỆP PHƯỚC

Trụ sở chính:	Lô C5A, Khu C, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM
Vốn điều lệ:	30 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu:	100%
Hoạt động chính:	Là cầu nối của SMC và hệ thống các cảng tại TPHCM, là hệ thống kho lưu trữ và tập trung cho thị trường TPHCM
Sản phẩm:	Sắt thép các loại



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	0,0	0,0	n/a
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	0,0	0,0	n/a
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-0,6	-0,6	n/a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-0,9	-0,6	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	27,9	27,3	-2,1%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	0,0	0,0	n/a
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	27,9	27,3	-2,1%

| CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT GỒM



CÔNG TY LIÊN DOANH SMC – SUMMIT

Trụ sở chính:	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
VP Đại diện:	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ:	4.000.000 USD
Tỷ lệ SMC sở hữu:	50%
Hoạt động chính:	Kinh doanh phân phối các sản phẩm sắt thép đặc biệt, chất lượng cao
Sản phẩm:	Thép coupler, thép dập uốn theo khuôn hình...

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2014	TH 2015	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.360,1	1.179,5	-13,3%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	24,7	30,1	21,9%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,1	7,2	18,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,6	6,2	10,7%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	416,6	230,7	-44,6%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	324,0	131,8	-59,3%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	92,6	98,8	6,7%
LNST / Doanh thu thuần	%	0,4	0,5	0,1%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	1,3	2,7	1,4%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,0	6,3	0,3%

| CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT



CÔNG TY TNHH SMC – TOAMI

Trụ sở chính:	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
VP Đại diện:	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ:	3.000.000 USD
Tỷ lệ SMC sở hữu:	25%
Hoạt động chính:	Sản xuất và gia công các sản phẩm Lưới thép hàn
Sản phẩm:	Lưới thép hàn

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2015
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	72,8
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	8,1
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,0
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,0
Tổng tài sản	Tỷ đồng	72,0
Nợ phải trả	Tỷ đồng	5,8
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	66,2
LNST / Doanh thu thuần	%	1,4
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	1,4
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,5

(*) Công ty TNHH SMC-TOAMI mới được thành lập trong năm 2015 nên không có số liệu quá khứ để so sánh.
Số liệu tài chính của Công ty phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 24/2 đến hết ngày 31/12/2015.



CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

Trụ sở chính:	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
VP Đại diện:	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ:	8.000.000 USD
Tỷ lệ SMC sở hữu:	75%
Hoạt động chính:	Sản xuất và gia công sản phẩm ống thép các loại
Sản phẩm:	Ống thép các loại

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH 2015
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	20,1
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	0,6
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-2,8
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-2,8
Tổng tài sản	Tỷ đồng	157,4
Nợ phải trả	Tỷ đồng	73,0
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	84,4
LNST / Doanh thu thuần	%	-13,9
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	-1,8
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-3,3

(*) Công ty TNHH Liên doanh ống thép SENDO mới được thành lập trong năm 2015 nên không có số liệu quá khứ để so sánh.
Số liệu tài chính của Công ty phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 27/4 đến hết ngày 31/12/2015.



| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất là:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó chủ tịch
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên
Ông Ma Đức Tú	Thành viên
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Trưởng BKS
Bà Trần Thụy Bích Hân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

3. Các đơn vị trực thuộc và các công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ
Chi nhánh Đà Nẵng	76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Công Ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO	Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, BRVT
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Công Ty TNHH SMC TOAMI	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, BRVT

4. Các hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày **từ trang 06 đến trang 38**.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bằng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn

Thay mặt Hội đồng Quản trị



ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH

Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

2. Báo cáo kiểm toán độc lập

Số: /DFK-BCKT

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") và các công ty Con ("Tập đoàn") được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN VĂN TUYỀN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Hodan".

HỒ ĐẮC HIẾU

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1

3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		2,316,403,364,432	3,563,328,725,136
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	94,868,546,120	458,542,581,066
1. Tiền	111		79,868,546,120	170,817,581,066
2. Các khoản tương đương tiền	112		15,000,000,000	287,725,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	764,211,632,171	604,495,045,167
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7,561,430,622	7,561,430,622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4,850,881,784)	(3,618,464,622)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		761,501,083,333	600,552,079,167
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		832,307,707,426	1,200,246,131,173
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	773,839,996,237	978,219,824,345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04a	22,095,239,371	201,670,311,261
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	250,000,000	12,900,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06a	39,865,300,761	21,621,094,724
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(3,742,828,943)	(14,165,099,157)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	490,586,285,883	1,159,804,472,088
1. Hàng tồn kho	141		497,558,389,617	1,172,726,318,439
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6,972,103,734)	(12,921,846,351)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		134,429,192,832	140,240,495,642
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09a	838,375,042	548,648,462
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51,281,817,341	105,572,369,833
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.20b	82,309,000,449	34,119,477,347
B. Tài sản dài hạn	200		710,566,401,002	539,749,887,517
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6,226,065,443	12,573,230,891
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	81,712,108,843	47,895,670,080
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04b	475,214,245	475,214,245
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.06b	5,129,187,707	4,548,571,610
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.07	(81,090,445,352)	(40,346,225,044)
II. Tài sản cố định	220		437,580,975,565	335,282,032,895
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	362,131,197,926	251,496,295,679
- Nguyên giá	222		569,816,321,092	458,446,580,678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(207,685,123,166)	(206,950,284,999)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	35,647,248,447	43,416,470,748
- Nguyên giá	225		56,344,184,529	56,344,184,529
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20,696,936,082)	(12,927,713,781)

3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tt)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	39,802,529,192	40,369,266,468
- Nguyên giá	228		41,438,979,341	41,438,979,341
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,636,450,149)	(1,069,712,873)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55,415,542,439	20,763,937,849
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	55,415,542,439	20,763,937,849
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		117,137,641,840	79,682,926,088
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	65,963,096,840	46,713,420,739
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	82,470,767,544	82,470,767,544
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.16	(48,296,222,544)	(49,501,262,195)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.14	17,000,000,000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		94,206,175,716	91,447,759,794
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09b	75,365,157,486	72,489,560,247
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	15,822,619,203	14,817,845,223
3. Lợi thế thương mại	269	V.18	3,018,399,027	4,140,354,324
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,026,969,765,434	4,103,078,612,654

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		2,635,751,552,434	3,536,146,365,494
I. Nợ ngắn hạn	310		2,522,856,637,463	3,417,692,585,472
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.19	691,697,368,934	709,988,034,022
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25,898,869,135	17,935,019,465
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20a	9,749,365,296	3,301,140,726
4. Phải trả người lao động	314		1,851,603,530	1,197,486,313
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	8,032,571,546	9,036,184,207
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3,225,360,840	2,597,510,251
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22	451,949,362	1,761,655,035
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	1,782,470,548,185	2,671,513,305,267
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(520,999,365)	362,250,186
II. Nợ dài hạn	330		112,894,914,972	118,453,780,022
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		3,578,845,999	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	109,316,068,973	118,453,780,022
D. Vốn chủ sở hữu	400		391,218,213,000	566,932,247,160
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	391,218,213,000	566,932,247,160
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		295,183,610,000	295,183,610,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		295,183,610,000	295,183,610,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153,531,767,160	153,531,767,160
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5,373,000,000	5,373,000,000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(142,489,800)	(142,489,800)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		95,651,669,506	95,651,669,506
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(184,729,259,122)	12,916,732,728
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11,324,780,476	10,172,502,742
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(196,054,039,598)	2,744,229,986
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		26,349,915,256	4,417,957,565
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,026,969,765,434	4,103,078,612,654

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Nguyễn Thanh Hà
Người lập biểu

Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám Đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2016

4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		10,050,481,223,199	10,919,588,293,575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4,007,276,714	2,502,114,817
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	10,046,473,946,485	10,917,086,178,758
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	9,901,801,120,748	10,593,693,795,512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		144,672,825,737	323,392,383,246
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	52,788,072,734	55,352,044,297
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	151,157,096,960	118,898,384,614
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106,661,451,288	73,872,034,360
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		3,729,926,101	2,778,743,056
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	156,357,963,280	151,802,710,970
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	102,371,602,940	97,572,723,913
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (lỗ)	30		(208,695,838,607)	13,249,351,101
12. Thu nhập khác	31	VI.07	24,731,105,059	13,542,025,596
13. Chi phí khác	32	VI.08	3,560,802,001	1,910,984,131
14. Lợi nhuận khác	40		21,170,303,058	11,631,041,465
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (lỗ)	50		(187,525,535,549)	24,880,392,566
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	9,314,827,549	9,692,948,478
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(1,004,773,980)	(5,276,886,963)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (lỗ)	60		(195,835,589,118)	20,464,331,052
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(196,054,039,598)	19,899,403,172
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		218,450,480	564,927,880
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / (lỗ)	70	VI.11	(6,643)	620

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Thanh Hà
Người lập biểu

Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám Đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2016

5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(187,525,535,549)	24,880,392,566
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	40,595,672,735	45,139,169,673
Các khoản dự phòng	03	24,399,584,989	49,121,970,469
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3,282,681,344	824,137,577
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(71,568,420,721)	(42,762,733,464)
Chi phí lãi vay	06	106,661,451,288	73,872,034,360
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(84,154,565,914)	151,074,971,181
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	422,931,856,862	(348,120,452,455)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	675,167,928,822	(4,793,707,694)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16,711,071,242	(529,823,071,776)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(3,165,323,818)	3,629,875,188
Tiền lãi vay đã trả	14	(108,880,723,292)	(70,680,938,258)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7,462,922,833)	(7,260,791,551)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3,374,760,390
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1,274,885,678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	911,147,321,070	(803,874,240,653)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(226,658,566,663)	(34,781,000,069)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	15,023,003,957
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1,341,602,166,666)	(1,167,052,079,167)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,175,653,162,500	593,600,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12,000,000,000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	14,317,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29,604,573,570	34,590,729,107
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(375,002,997,259)	(558,605,029,172)

5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	9,083,436,442,554	9,857,791,946,876
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9,974,675,977,410)	(8,308,319,747,842)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8,857,946,766)	(7,949,954,632)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(23,609,314,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(900,097,481,622)	1,517,912,930,002
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(363,953,157,811)	155,433,660,177
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	458,542,581,066	302,957,529,361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	279,122,865	151,391,528
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	94,868,546,120	458,542,581,066

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thanh Hào
Người lập biểu



Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám Đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2016

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 06/11/2012.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 295.183.610.000 đồng, được chia thành 29.518.361 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C

Trụ sở chính đặt tại: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng: 76 – 78 Bạch Đằng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Đường số 5, KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Danh sách công ty con và công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, Hồ Chí Minh	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	124 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Lô 33, KCN Tân Tạo, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%
Công ty CP SMC Hà Nội	Lô số 47, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	82.11%	82.11%
Công Ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO	Đường 1A, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, BR-VT	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75%	75%
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	50%	50%
Công ty CP SX TM VT Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Đã giải thể	35%	35%
Công Ty TNHH SMC TOAMI	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, BR-VT	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	25%	25%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Cho năm tài chính 2015, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, và các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm và các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng 100% được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
▪ Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	02 - 08 năm
▪ Phần mềm	02 - 20 năm

Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

▪ Máy móc thiết bị và Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
---	-------------

9. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:
 - + Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
 - + Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa, bảo hiểm
- Chi phí khác chờ phân bổ.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho, chi phí nhân viên, chi phí hoa hồng môi giới,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con ("Tập đoàn") có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Tập đoàn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Công ty TNHH MTV Cơ Khí SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Nhà máy Cơ khí - Thép SMC" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm tài chính thứ ba Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH Thép SMC được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm thép" bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2015 là năm tài chính thứ chín Công ty được hưởng thuế suất 15% đối với hoạt động gia công.
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội được hưởng thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, đóng gói thủy sản, kho vận và gia công thép lá cuộn" bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2015 là năm tài chính thứ năm Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền thuế đất được miễn 11 năm kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Tập đoàn ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

22. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		3,576,694,837	2,584,184,650
Tiền gửi ngân hàng	(1.1)	76,291,851,283	168,233,396,416
Các khoản tương đương tiền	(1.2)	15,000,000,000	287,725,000,000
Cộng		94,868,546,120	458,542,581,066

(1.1) Trong đó, bao gồm tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 975,798.13 USD tương đương 21.906.664.515 đồng.

(1.2) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng, lãi suất 4,5%/năm.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	(2.1)	7,561,430,622	7,561,430,622
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.1)	(4,850,881,784)	(3,618,464,622)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(2.2)	761,501,083,333	600,552,079,167
Cộng		764,211,632,171	604,495,045,167

(2.1) Chi tiết các khoản chứng khoán kinh doanh và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2015:

	Số lượng cp	Đơn giá tồn	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng	Giá trị thuần
Chứng khoán đã niêm yết					
Công ty CP Thép Pomina	170,670	23,162	3.953.038.722	(2.792.482.722)	1.160.556.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM					
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	55,000	33,273	1.830.000.000	(1.753.000.000)	77.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết					
Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	29,714	21,300	632.908.200	(197.092.962)	435.815.238
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70,000	10,357	725.000.000	-	725.000.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải VN	11,200	37,543	420.483.700	(108.306100)	312.177.600
Cộng			7.561.4306.22	(4.850.881.784)	2.710.548.838

(*) Trong năm tài chính này, Tập đoàn đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 159.414.590 đồng.

(2.2) Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất từ 3,5%/năm đến 10,25%/năm.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	3,576,694,837	
- Seasons Avenue	76,291,833,283	1,421,267
- Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	15,000,000,000	163,125,424
- Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh	1,868,536,610	10,682,565,883
- Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	35,497,642,910	1,835,352,885
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	19,894,867,058	6,122,965,783
- Công ty Cổ phần BÊ TÔNG 6	14,742,701,699	8,604,063,921
- Công ty Cổ phần ClearWater Metal Việt Nam	14,065,754,020	150,806,619
- Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	13,721,823,439	14,717,719,302
- Công ty TNHH Xây dựng An Phong	14,674,928,422	5,131,026,186
- Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu Khí	11,273,973,263	-
- Công Ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	10,827,833,863	-
- HQ CO.,LTD (654,171.46 USD)	14,686,149,277	10,630,412,746
- SAMPEOU MEAS IMPORT EXPORT & TRANSPORTATION CO., LTD (604,626.05 USD)	13,573,854,823	-
- Metalworld Trading Pte Ltd (3,019,042.08 USD)	67,777,494,696	37,173,630,993
- Phải thu các bên liên quan (thuyết minh c)	17,815,193,361	74,237,146,292
- Các khách hàng khác	441,971,226,754	808,771,008,311
Cộng	773,839,996,237	978,219,824,345
b) Dài hạn		
- Công Ty TNHH Đầu tư Thương mại SPC	6,367,855,501	6,527,855,501
- Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	3,563,518,010	4,113,518,010
- Công ty CP Xây dựng Gia Trần	3,140,414,858	3,140,414,858
- Công ty TNHH Kim Long Tấn	11,628,125,525	-
- Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	17,824,286,577	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông	5,209,704,278	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Không Gian	8,891,559,997	8,891,559,997
- Các khách hàng khác	25,086,644,097	25,222,321,714
Cộng (*)	81,712,108,843	47,895,670,080

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng bằng ngoại tệ là 5,320,973.78 USD tương đương 119.418.493.798 đồng

3. Phải thu của khách hàng (tt)	Số cuối năm	Số đầu năm
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT	14,282,049,729	74,237,146,292
- Công ty TNHH SMC TOAMI	3,533,143,632	
Cộng	17,815,193,361	74,237,146,292

4. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT (bên liên quan)	2,795,036,731	-
- YIEH PHUI (CHINA) TECHNOMATERIAL CO.,LTD	13,266,816,351	34,616,669,721
- Trả trước cho các đối tượng khác	6,033,386,289	167,053,641,540
Cộng (*)	22,095,239,371	201,670,311,261
a. Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Anh	402,620,981	402,620,981
- Trả trước cho các đối tượng khác	72,593,264	72,593,264
Cộng	475,214,245	475,214,245

(*) Trong đó, bao gồm khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ là 714,990.95 USD tương đương 15.961.568.194 đồng.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	250.000.000	12.900.000.000

(*) Khoản cho vay đến Ông Lê Bá Công với lãi suất 6,5%/năm, thời hạn 1 năm.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu lãi từ tiền gửi, ký quỹ, lãi cho vay	23,967,376,556	-	1,443,124,716	-
- Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.4)	118,100,000	-	257,000,000	-
- Phải thu liên quan đến chiết khấu thương mại được hưởng	6,178,003,114	-	5,666,894,060	-
- Khoản cho mượn đến nhân viên	-	-	500,000,000	-
- Phải thu Công ty TNHH DV và TM Kim Tơ	-	-	1,336,037,033	-
- Phải thu UBND TPHCM liên quan đến tiền lãi vay được hỗ trợ	-	-	1,888,123,981	-
- Các khoản tạm ứng	5,105,804,561	-	4,884,996,206	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4,189,153,630	-	5,241,666,000	-
- Phải thu khác	306,862,900	-	403,252,728	-
Cộng	39,865,300,761	-	21,621,094,724	-
b) Dài hạn				
- Ký quỹ thuê tài chính	4,624,285,620	-	4,373,669,523	-
- Lãi chậm thanh toán	164,902,087	164,902,087	164,902,087	164,902,087
- Khoản ký quỹ thuê xe, ký quỹ khác	340,000,000	-	10,000,000	-
Cộng (*)	5,129,187,707	164,902,087	4,548,571,610	164,902,087

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khác dài hạn có gốc ngoại tệ là 144,281.00 USD tương đương 3.252.093.740 đồng.

7. Nợ xấu	Nợ gốc	Số cuối năm		Số đầu năm		
		Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng - 1 năm	2,167,210,225	-	Công ty Cổ phần Thép Quatron			
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm	1,377,242,778	-	Các đối tượng khác			

7. Nợ xấu (tt)	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
	6,367,855,501	-	Công Ty TNHH ĐT TM SPC	6,527,855,501	-	Công Ty TNHH ĐT TM SPC
	2,125,738,486	-	CN Công ty CP MCO Việt Nam	2,125,738,486	-	CN Công ty CP MCO Việt Nam
	3,140,414,858	-	Công ty CP XD Gia Trần	3,140,414,858	-	Công ty CP XD Gia Trần
	17,824,286,577	-	Công ty CP Hữu Liên Á Châu	19,7758,22,501	-	Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	1,918,260,055	-	CN Công ty CP Hạ tầng Thiên Ân (TP. Hà Nội)	1,918,260,055	-	CN Công ty CP Hạ tầng Thiên Ân (TP. Hà Nội)
	8,891,559,997	-	Công ty CP Bê tông Không Gian	8,891,559,997	-	Công ty CP Bê tông Không Gian
	5,209,704,278	-	Công ty CP Tập đoàn Khang Thông	5,209,704,278	-	Công ty CP Tập đoàn Khang Thông
	11,628,125,525	-	Công ty TNHH Kim Long Tấn	-	-	Công ty TNHH Kim Long Tấn
	2,972,884,053	-	Công ty TNHH Trầm Thanh	-	-	Công ty TNHH Trầm Thanh
	2,838,399,843	-	Công ty TNHH Xuân Giang	2,838,399,843	-	Công ty TNHH Xuân Giang

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Nợ xấu (tt)	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
	3,563,518,010	-	Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	4,113,518,010	-	Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm (tt)	2,088,152,734	-	Công ty TNHH Thép Phú Vinh	2,488,924,414	-	Công ty TNHH Thép Phú Vinh
	12,548,979,599	-	Các đối tượng khác	13,497,785,656	-	Các đối tượng khác
Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	475,214,245	-	Các đối tượng khác	475,214,245	-	Các đối tượng khác
Khoản phải thu khác (dự phòng 100%)	692,575,621	-	YI Chakriya Supplies Construction Material Co., Ltd			
Cộng	85,830,122,385	-		74,353,197,844	-	

Biến động dự phòng phải thu khó đòi:	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	(54,511,324,201)	(24,690,233,885)
- Trích lập dự phòng	(41,978,264,718)	(33,198,640,958)
- Hoàn nhập dự phòng (do thu hồi)	4,902,157,748	3,377,550,642
- Giảm (do xóa nợ)	6,754,156,876	-
- Số dư cuối năm	(84,833,274,295)	(54,511,324,201)

8. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	232,896,295,543	(2,135,738,620)	718,102,966,433	(5,485,278,826)
- Công cụ, dụng cụ	1,740,346,636	-	331,005,493	-
- Thành phẩm	107,121,398,980	(4,134,266,218)	237,687,277,698	(4,906,636,574)
- Hàng hóa	155,800,348,458	(702,098,896)	216,605,068,815	(2,529,930,951)
Cộng	497,558,389,617	(6,972,103,734)	1,172,726,318,439	(12,921,846,351)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	(54,511,324,201)	(24,690,233,885)
- Trích lập dự phòng	(41,978,264,718)	(33,198,640,958)
- Hoàn nhập dự phòng (do thu hồi)	4,902,157,748	3,377,550,642
- Giảm (do xóa nợ)	6,754,156,876	-
- Số dư cuối năm	(84,833,274,295)	(54,511,324,201)

9. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	181,515,915	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	496,278,244	548,648,462
- Chi phí mở L/C chờ phân bổ	100,205,915	-
- Chi phí chờ phân bổ khác	60,374,968	-
Cộng	838,375,042	548,648,462
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	70,531,741,912	69,436,230,891
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,124,432,718	12,500,000
- Phí hạ tầng Khu Công nghiệp trả trước	1,811,015,728	1,971,588,966
- Chi phí thành lập chờ phân bổ	1,387,677,353	-
- Chi phí triển khai dự án nhà xưởng chờ phân bổ đến năm 2017	472,425,775	708,638,662
- Chi phí chờ phân bổ khác	37,864,000	360,601,728
Cộng	75,365,157,486	72,489,560,247

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương đến tháng 11 năm 2046	1,787,629,404	1,847,883,958
- Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh đến ngày 16/8/2050	49,528,458,377	50,943,557,189
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh đến 29/12/2048	15,875,275,320	16,356,344,268
- Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến 07/5/2018	3,059,408,996	-
- Chi phí đền bù tại lô đất số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội) đến tháng 7/2052	280,969,815	288,445,476
Cộng	70,531,741,912	69,436,230,89

10. Tài sản cố định hữu hình					
Nguyên giá	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	185,874,821,246	191,546,335,047	62,395,481,692	18,629,942,693	458,446,580,678
Tăng do mua sắm	64,632,667,789	115,891,462,647	11,102,552,182	380,279,455	192,006,962,073
Giảm do thanh lý	-	9,246,274,919	1,942,137,822	-	11,188,412,741
Giảm do góp vốn	-	69,448,808,918	-	-	69,448,808,918
Số dư cuối năm	250,507,489,035	228,742,713,857	71,555,896,052	19,010,222,148	569,816,321,092
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52,318,702,418	102,146,826,974	37,191,527,286	15,293,228,321	206,950,284,999
Khấu hao trong năm	9,552,802,033	15,317,223,427	6,496,702,003	892,985,695	32,259,713,158
Giảm do thanh lý	-	308,057,948	1,942,137,822	-	2,250,195,770
Giảm do góp vốn	-	29,274,679,221	-	-	29,274,679,221
Số dư cuối năm	61,871,504,451	87,881,313,232	41,746,091,467	16,186,214,016	207,685,123,166
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	133,556,118,828	89,399,508,073	25,203,954,406	3,336,714,372	251,496,295,679
Tại ngày cuối năm	188,635,984,584	140,861,400,625	29,809,804,585	2,824,008,132	362,131,197,926

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 55.530.308.887 đồng.

Tại ngày 31/12/2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 105.681.434.473 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Tài sản cố định thuê tài chính	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	52,037,031,929	4,307,152,600	56,344,184,529
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	52,037,031,929	4,307,152,600	56,344,184,529
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	12,867,892,217	59,821,564	12,927,713,781
Tăng	7,051,363,534	717,858,767	7,769,222,301
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	19,919,255,751	777,680,331	20,696,936,082
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	39,169,139,712	4,247,331,036	43,416,470,748
Tại ngày cuối năm	32,117,776,178	3,529,472,269	35,647,248,447

12. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33,607,900,000	7,831,079,341	41,438,979,341
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm (*)	33,607,900,000	7,831,079,341	41,438,979,341
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1,069,712,873	1,069,712,873
Tăng	-	566,737,276	566,737,276
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1,636,450,149	1,636,450,149
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	33,607,900,000	6,761,366,468	40,369,266,468
Tại ngày cuối năm	33,607,900,000	6,194,629,192	39,802,529,192

(*) Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất đang được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	50,041,340,047	11,692,513,519
- Trạm biến thế 5000KVA và đường dây trung thế 22KV	4,590,872,995	-
- Hệ thống cầu trục 10 tấn	57,223,460	-
- Xây dựng hệ thống công trình phụ (Ép cọc sâu, chống lún sụt sâu)	394,105,937	-
- Giá trị 2 căn hộ tại Era Town	-	5,337,138,576
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	332,000,000	3,734,285,754
Cộng	55,415,542,439	20,763,937,849

14. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng (lãi suất 10,25%/năm)	17,000,000,000	17,000,000,000	-	-

15. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	65,9630,96,840	46,713,420,739

(*) Bao gồm:

	Giá trị đầu tư	Phần lãi (lỗ) thuộc sở hữu của Tập đoàn tại Công ty LK, LD	Cộng
Các công ty chưa niêm yết			
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	41,640,000,000	7,768,258,153	49,408,258,153
Công ty TNHH SMC Toami	15,934,500,000	620,338,687	16,554,838,687
Cộng	57,574,500,000	8,388,596,840	65,963,096,840

16. Đầu tư góp vốn	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	82,470,767,544	34,174,545,000	(48,296,222,544)	82,470,767,544	32,969,505,349	(49,501,262,195)
Cộng	82,470,767,544	34,174,545,000	(48,296,222,544)	82,470,767,544	32,969,505,349	(49,501,262,195)

(*) Bao gồm:

Chứng khoán đã niêm yết	Số lượng cổ phần	Mệnh giá	Đơn giá mua	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng
- Công ty CP Thép Pomina	1,430,000	10,000	23,496	33,599,960,344	(23,875,960,344)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long (trước đây là Công ty CP Đầu tư Nam Khang) (**)	450,000	10,000	21,944	9,875,000,000	(412,400,000)
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM					
- Công ty CP Thép Biên Hòa (**)	473,170	10,000	25,732	12,175,807,200	(8,153,862,200)
- Công ty CP Thép Nhà Bè	115,000	10,000	23,652	2,720,000,000	(1,800,000,000)
Chứng khoán chưa niêm yết					
- Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất	1,400,000	10,000	10,000	14,000,000,000	(14,000,000,000)
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	1,000,000	10,000	10,100	10,100,000,000	(54,000,000)
Cộng				82,470,767,544	(48,296,222,544)

(**) Trong năm tài chính này, Tập đoàn đã nhận được cổ tức được chia từ các công ty này bằng tiền là 335.408.600 đồng.

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	13,300,278,313	7,846,228,788
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1,558,787,310
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	61,079,812	3,846,936,841
- Khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	762,651,209	1,359,760,272
- Chi phí khấu hao	989,280,067	224,326,097
- Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn tại công ty liên kết Toami chưa ghi nhận thu nhập	715,769,200	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(6,439,398)	(18,194,085)
Cộng	15,822,619,203	14,817,845,223

18. Lợi thế thương mại	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	3,018,399,027	4,140,354,324

(*) Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần SMC Hà Nội chờ phân bổ.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	145,201,859,480	145,201,859,480	175,216,888,599	175,216,888,599
- Công ty TNHH Thép VINA KYOEI	235,691,308,607	235,691,308,607	163,041,227,283	163,041,227,283
- Công ty CP SX Thép Việt Đức	20,815,618,010	20,815,618,010	-	-
- Công ty CP China Steel Sumikin Việt Nam	38,998,561,625	38,998,561,625	47,072,471,334	47,072,471,334
- WIN FAITH TRADING LIMITED	78,059,080,932	78,059,080,932	-	-
- BRIGHT RUBY RESOURCES PTE LIMITED	44,374,769,156	44,374,769,156	-	-
- Phải trả bên liên quan (b)	9,565,569,314	9,565,569,314	160,557,926,664	160,557,926,664
- Phải trả người bán khác	118,990,601,810	118,990,601,810	164,099,520,142	164,099,520,142
Cộng (*)	691,697,368,934	691,697,368,934	709,988,034,022	709,988,034,022
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty TNHH SMC TOAMI	401,596,746	401,596,746	-	-
- Công ty TNHH SMC Summit	9,163,972,568	9,163,972,568	160,557,926,664	160,557,926,664
Cộng	9,565,569,314	9,565,569,314	160,557,926,664	160,557,926,664

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 8,008,278.36 USD tương đương 180.506.594.234 đồng.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	25,093,022	243,766,631,303	239,722,342,305	4,069,382,020
- Thuế TNDN	3,044,163,046	9,314,827,549	7,462,922,833	4,896,067,762
- Thuế TNCN	231,884,658	964,018,316	834,855,909	361,047,065
- Thuế nhập khẩu	-	7,105,103,208	7,105,103,208	-
- Các loại thuế khác	-	1,645,614,574	1,222,746,125	422,868,449
Cộng (*)	3,301,140,726	262,796,194,950	256,347,970,380	9,749,365,296

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tt)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải thu				
- Thuế TNDN nộp dư	(3,241,065,708)	-	(1,653,880,229)	(1,587,185,479)
- Thuế GTGT để nghị hoàn	(23,541,653,407)	118,269,404,320	143,105,369,114	(79,886,009,602)
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp dư	(7,293,148,264)	47,118,425,273	39,825,277,009	-
- Thuế TNCN nộp dư	(43,609,968)	74,319,912	130,995,935	(100,285,991)
- Thuế nhập khẩu nộp dư	-	415,070,775	1,150,590,152	(735,519,377)
Cộng (*)	(34,119,477,347)	165,877,220,280	182,558,351,981	(82,309,000,449)

21. Chi phí phải trả

	Số đầu năm	Số cuối năm
- Lãi vay còn phải trả	1,988,567,520	4,207,839,524
- Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VND với lãi suất USD	4,931,935,723	4,129,048,454
- Chi phí còn phải trả khác	1,112,068,303	699,296,229
Cộng (*)	8,032,571,546	9,036,184,207

22. Phải trả ngắn hạn khác

	Số đầu năm	Số cuối năm
- Kinh phí công đoàn	317,862,382	262,379,534
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	158,625	29,911,018
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	-	1,194,750,000
- Thù lao HĐQT và BKS còn phải trả	118,491,048	178,491,048
- Các khoản phải trả khác	15,437,307	96,123,435
Cộng (*)	451,949,362	1,761,655,035

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

23. Vay và nợ thuê tài chính							Số đầu năm	
a) Ngắn hạn	Số đầu năm		Số trong năm		Số cuối năm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
- HSBC (Việt Nam)	188,792,675,546	188,792,675,546	259,028,983,637	447,821,659,183	-	-	-	-
- Vietcom Bank	282,249,164,251	282,249,164,251	1,002,419,272,579	984,781,328,718	299,887,108,112	299,887,108,112	-	-
- MB Bank	64,952,432,003	64,952,432,003	223,910,100,012	288,862,532,015	-	-	-	-
- Vietin Bank	1,854,473,264,586	1,854,473,264,586	6,937,208,815,709	7,358,406,834,202	1,433,275,246,093	1,433,275,246,093	-	-
- Standard Chartered (VN)	184,705,837,595	184,705,837,595	713,095,052,639	897,800,890,234	-	-	-	-
- VP Bank	44,941,203,204	44,941,203,204	96,931,889,125	141,873,092,329	-	-	-	-
- Sacombank	-	-	12,111,000	12,111,000	-	-	-	-
- ACB	-	-	22,900,000,000	22,900,000,000	-	-	-	-
- Vay cá nhân	8,917,000,000	8,917,000,000	40,430,000,000	43,997,000,000	5,350,000,000	5,350,000,000	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	42,481,728,082	42,481,728,082	41,427,785,584	39,951,319,686	43,958,193,980	43,958,193,980	-	-
Cộng (*)	2,671,513,305,267	2,671,513,305,267	9,337,364,010,285	10,226,406,767,367	1,782,470,548,185	1,782,470,548,185	-	-

b) Dài hạn	Số đầu năm		Số trong năm		Số cuối năm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
- Vay ngân hàng								
- SHIHAN (Việt Nam)	13,071,708,000	13,071,708,000	-	2,522,988,000	10,548,720,000	10,548,720,000	-	-
- VID Public	-	-	34,025,108,600	784,919,800	33,240,188,800	33,240,188,800	-	-
- Indovina Bank	9,421,524,000	9,421,524,000	414,892,800	1,884,304,800	7,952,112,000	7,952,112,000	-	-
- Vietin Bank	111,438,000,000	111,438,000,000	-	29,048,000,000	82,390,000,000	82,390,000,000	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(33,777,323,600)	(33,777,323,600)	(8,610,000,000)	(11,480,000,000)	(34,753,816,340)	(34,753,816,340)	-	-
Cộng (*)	100,153,908,400	100,153,908,400	25,830,001,400	22,760,212,600	99,377,204,460	99,377,204,460	-	-

- Nợ thuê tài chính						
Thời hạn	Năm trước			Năm nay		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	8,704,404,482	1,640,107,462	7,762,562,096	9,204,377,640	1,460,754,740	8,857,946,765
- Trên 1 năm đến 5 năm	18,299,871,622	-	-	9,938,864,513	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(8,704,404,482)	-	-	(9,204,377,640)	-	-
Cộng	18,299,871,622	1,640,107,462	7,762,562,096	9,938,864,513	1,460,754,740	8,857,946,765
Cộng vay và nợ dài hạn (b)	118,453,780,022			109,316,068,973		

(a) Ngắn hạn:

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** theo hợp đồng tín dụng số 0104/KH/13NH ngày 26/4/2013, các phụ lục sửa đổi bổ sung và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0104/KH/13NH ngày 28/07/2015 với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: đối với VND là 4,6%/năm, đối với USD 2,1%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **299.887.108.112** đồng, bao gồm: 289.468.948.132 đồng và 462.207.63 USD tương đương 10.418.159.980 đồng.
- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam** theo 13 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 2.304 tỷ đồng; thời hạn vay: từ 02 - 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: đối với VNĐ là từ 2,15% đến 5%/năm, USD là từ 1,95% đến 2,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại số 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. HCM; Bất động sản của bên thứ 3. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **1.433.275.246.093** đồng, bao gồm: 1.158.966.547.370 đồng và 12.169.862.41 USD tương đương 274.308.698.723 đồng.
- Các khoản vay **cá nhân** có thời hạn vay 01 năm, lãi suất huy động 7,2%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

(b) Dài hạn:

- Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV SHIHAN (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/H-DTD01 ngày 05/4/2013 với tổng hạn mức là 3.645.000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 2,85%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **468.000.00 USD** tương đương 10.548.720.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 144.000.00 USD tương đương 3.245.760.000 đồng.
- Khoản vay **Ngân hàng VID Public Chi nhánh TP.HCM** theo 03 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 1.857.705.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất ống thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 2,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **1.474.720.00 USD** tương đương 33.240.188.800 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 148.271.00 USD tương đương 3.342.028.340 đồng.
- Khoản vay **Ngân hàng TNHH Indovina** theo hợp đồng vay vốn số 81/1014/MTL/1031615 ngày 17/10/2014, với số tiền vay là 441.000.00 USD, với thời hạn vay là 60 tháng; mục đích vay mua máy xả băng SL-1300-032 và lãi suất vay tại 31/12/2015 là 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 81/1014/HDTCCMM với giá trị ước tính là 519.000.00 USD. Số dư nợ đến ngày 31/12/2015 là **352.800.00 USD** tương đương 7.952.112.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 88.200.00 USD tương đương 1.988.028.000 đồng.
- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam** theo các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng tín dụng 09.675003/HĐTD.TDH ngày 30/7/2009, tổng hạn mức tín dụng: 99,9 tỷ đồng, thời hạn vay 7 năm, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay thực hiện dự án đầu tư nhà máy Cơ khí Thép SMC tại khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là 9,5%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2015 là **8.610.000.000** đồng, cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.
 - + Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22/2013-HĐTDDA/NHCT946-SMC TAN TAO ngày 11/9/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 22/2013-HĐTD-SBBS01/NHCT946-SMC TAN TAO với hạn mức tín dụng 82 tỷ đồng; Mục đích: đầu tư xây dựng dự án Trung tâm gia công thép tấm tại KCN Tân Tạo; thời hạn vay: 78 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là 8,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **61.900.000.000** đồng, trong đó phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn là 14.400.000.000 đồng.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Hợp đồng số 12.146001/HĐTD.DH ngày 12/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 12.146011-02/HĐTDBS ngày 01/11/2014 với số tiền vay tối đa 20 tỷ đồng. Mục đích sử dụng là thực hiện dự án đầu tư hạng mục xây dựng Trung tâm gia công thép lá cuộn tại Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Thời hạn vay là 78 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng, lãi suất cho vay tại 31/12/2015 là 9%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền phát sinh liên quan đến quyền thuê đất tại Lô số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 12.146001/HĐTC.HTTTL ngày 12/12/2012 với giá trị tài sản là 34.294.000.000 đồng. Lịch trả nợ hàng quý bắt đầu từ 01/7/2013 với số tiền trả nợ là 792 triệu đồng/quý. Số dư nợ vay dài hạn đến ngày 31/12/2015 là **11.880.000.000 đồng**, trong đó bao gồm phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn là 3.168.000.000 đồng.

- Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam như sau:

	31/12/2015	
	USD	Tương đương VND
+ Hợp đồng số 2011-00090-000 ngày 21/10/2011	268,144.21	6,043,970,493
+ Hợp đồng số 2011-00105-000 ngày 04/11/2011	231,977.90	5,228,781,966
+ Hợp đồng số 2012-00101-000 ngày 29/11/2012	215,709.11	4,862,083,339
+ Hợp đồng số 2014-00116-000 ngày 23/7/2014	-	1,750,446,030
+ Hợp đồng số 2014-00117-000 ngày 23/7/2014	-	1,257,960,325
Cộng (*)	715,831.22	19,143,242,153

(*) Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 9.204.377.640 đồng, bao gồm 938.426.920 đồng và 366.723.63 USD tương đương 8.265.950.720 đồng.

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	295,183,610,000	-	-	295,183,610,000
Thặng dư vốn cổ phần	153,531,767,160	-	-	153,531,767,160
Vốn khác của chủ sở hữu	5,373,000,000	-	-	5,373,000,000
Cổ phiếu quỹ	(142,489,800)	-	-	(142,489,800)
Quỹ đầu tư phát triển	78,999,423,263	-	-	78,999,423,263
Quỹ dự phòng tài chính	16,652,246,243	-	-	16,652,246,243
LNST chưa phân phối	19,025,995,642	19,899,403,172	26,008,666,085	12,916,732,729
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3,853,029,685	564,927,880	-	4,417,957,565
Cộng (*)	572,476,582,193	20,464,331,052	26,008,666,085	566,932,247,160

24. Vốn chủ sở hữu (tt)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tt)

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	295,183,610,000	-	-	295,183,610,000
Thặng dư vốn cổ phần	153,531,767,160	-	-	153,531,767,160
Vốn khác của chủ sở hữu	5,373,000,000	-	-	5,373,000,000
Cổ phiếu quỹ	(142,489,800)	-	-	(142,489,800)
Quỹ đầu tư phát triển	78,999,423,263	16,652,246,243	-	95,651,669,506
Quỹ dự phòng tài chính	16,652,246,243	-	16,652,246,243	-
LNST chưa phân phối	12,916,732,729	(196,054,039,598)	1,591,952,253	(184,729,259,122)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4,417,957,565	21,931,957,691	-	26,349,915,256
Cộng (*)	566,932,247,160	(157,469,835,664)	18,244,198,496	391,218,213,000

b. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 295.183.610.000 đồng tương đương 29.518.361 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29,518,361	29,518,361
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	29,518,361	29,518,361
- Cổ phiếu thường	29,518,361	29,518,361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(6,718)	(6,718)
- Cổ phiếu thường	(6,718)	(6,718)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29,511,643	29,511,643
- Cổ phiếu thường	29,511,643	29,511,643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

c. Tính đến 31/12/2015, Tập đoàn đã mua lại 6.718 cổ phần với giá mua 21.210 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

d. Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm là do trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2015	01/01/2015
- Quỹ đầu tư phát triển	95,651,669,506	78,999,423,263

Quỹ đầu tư phát triển đầu năm đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (78.999.423.263 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (16.652.246.243 đồng).

f. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	5,275,488,483	4,417,957,565
- Công ty TNHH Liên doanh Ống Thép SENDO	21,074,426,773	-
Cộng	26,349,915,256	4,417,957,565

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngoại tệ các loại: - USD	975,798.13	2,301,212.25
- Nợ khó đòi đã xử lý	7,095,763,147	187,223,826

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá	10,016,971,635,427	10,890,200,976,757
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29,379,353,927	23,750,953,182
Doanh thu bán bất động sản	4,130,233,845	5,636,363,636
Cộng doanh thu	10,050,481,223,199	10,919,588,293,575
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Hàng bán bị trả lại	(2,881,107,175)	(1,684,642,514)
- Giảm giá hàng bán	(1,126,169,539)	(817,472,303)
Cộng doanh thu thuần	10,046,473,946,485	10,917,086,178,758

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	9,903,508,666,345	10,585,932,315,172
Giá vốn bất động sản đã bán	5,337,138,576	5,162,158,099
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7,044,684,173)	2,599,322,242
Cộng	9,901,801,120,748	10,593,693,795,512

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	49,797,244,925	32,654,954,940
Lãi kỳ quỹ, lãi cho vay	1,837,000,045	1,123,764,305
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,474,427	18,995,574,796
Chiết khấu thanh toán nhận được	656,772,897	1,599,246,856
Lãi bán chứng khoán	-	14,317,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	494,580,440	964,186,400
Cộng	52,788,072,734	55,352,044,297

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	106,661,451,288	73,872,034,360
Chi phí vốn tăng thêm phát sinh từ vay bằng VND tham chiếu lãi suất USD	13,410,067,135	4,610,196,494
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	27,377,511	16,701,557,911
Lỗ bán chứng khoán	-	23,856,740
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30,995,109,380	23,690,614,812
Chi phí tài chính khác	63,091,646	124,297
Cộng	151,157,096,960	118,898,384,614

5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	19,245,382,510	17,561,879,367
Chi phí công cụ, dụng cụ	115,507,545	97,678,506
Chi phí khấu hao TSCĐ	3,692,492,175	3,172,898,356
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí vận chuyển	117,952,097,152	107,487,256,423
- Chi phí khác	4,639,402,889	5,478,455,255
Chi phí khác bằng tiền		
- Chi phí hoa hồng bán hàng	6,875,217,922	12,587,943,012
- Phí thuê kho, công tác phí,...	3,837,863,087	5,416,600,051
Cộng	156,357,963,280	151,802,710,970

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	23,666,036,018	18,983,422,071
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	520,925,436	1,026,098,382
Chi phí khấu hao TSCĐ	9,305,849,003	13,178,029,677
Thuế, phí và lệ phí	275,634,264	
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	37,076,106,970	29,821,090,316
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Phí ngân hàng	1,229,402,720	1,486,726,472
- Phí thanh toán LC	4,285,447,934	6,995,942,222
- Phí bảo trì, thuê văn phòng, bảo lãnh thanh toán, tiền điện,...	14,538,612,569	13,151,564,585
- Chi phí khác	2,794,983,230	3,067,843,856
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại	1,121,955,297	1,121,955,297
Chi phí khác bằng tiền		
- Công tác phí	674,149,082	522,780,614
- Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng	1,728,043,886	2,102,159,197
- Chi phí văn phòng phẩm, xăng xe,...	5,154,456,531	6,115,111,224
Cộng	102,371,602,940	97,572,723,913

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định	189,919,210	4,479,135,744
Thu nhập từ bán phế liệu	3,290,439,743	-
Thu nhập do đánh giá lại tài sản đi góp vốn	12,327,136,218	-
Thu nhập do được hỗ trợ phí	3,695,189,854	449,403,031
Thu từ nhận bồi thường	1,823,964,973	1,672,881,640
Thu nhập từ xử lý công nợ khi giải thể Công ty CP Sao Việt	780,000,000	-
Xử lý hàng hoá thừa kiểm kê	119,162,042	2,345,690,812
Thu tiền điện chi hộ SMC Toami	1,033,097,260	-
Thu lãi quá hạn	814,836,492	3,706,110,555
Thu nhập khác	657,359,267	888,803,814
Cộng	24,731,105,059	13,542,025,596

8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ nhượng bán tài sản cố định	42,979,690	548,936,909
Chi phí phạt	1,499,483,518	80,316,892
Chi tiền điện chi hộ SMC Toami	1,033,097,260	-
Chi phí chế tạo vật tư	324,486,129	-
Xử lý hàng hóa thiếu kiểm kê	-	725,171,100
Chi phí khác	660,755,404	556,559,230
Cộng	3,560,802,001	1,910,984,131

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại các công ty:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	3,275,472,162	156,653,582
- Công ty TNHH Thép SMC	2,234,277,355	4,668,751,341
- Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	1,500,759,117	-
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC	2,045,962,211	4,146,838,793
- Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	258,356,704	636,517,696
- Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	-	84,187,066
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9,314,827,549	9,692,948,478

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	Năm trước
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (được khấu trừ) như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(5,454,049,524)	(4,861,308,288)
- Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	761,450,912	(1,529,092,515)
- Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,558,787,3	(484,064,294)
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng	3,621,515,180	1,903,478,033
- Chi phí khấu hao	(764,953,970)	(224,326,097)
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn	(715,769,200)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	(11,754,687)	(81,573,802)
Cộng	(1,004,773,980)	(5,276,886,963)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(195,835,589,118)	20,464,331,052
Trong đó:		-
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	218,450,480	564,927,880
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	(196,054,039,598)	19,899,403,172
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	1,591,952,253
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	(196,054,039,598)	18,307,450,919
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29,511,643	29,511,643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6,643)	620

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh lại do giảm trừ bổ sung phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 được trích trong năm 2015. Trong năm 2015, Tập đoàn bị lỗ, nên không trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của Tập đoàn đã được trình bày cho mục đích so sánh theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Tập đoàn phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Mua hàng hoá	(415,856,875,254)
		Bán hàng hoá	791,159,356,161
		Cung cấp dịch vụ	11,901,134,209
Công ty TNHH MTV SMC TOAMI	Công ty liên kết	Bán hàng hoá	47,751,407,031
		Góp vốn	16,173,000,000
		Cung cấp dịch vụ	307,872,000
Ban Điều hành		Thu nhập	1,381,389,098

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu/ (phải trả)
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	Công ty liên doanh	Phải trả người bán	(9,163,972,568)
		Phải thu khách hàng	14,282,049,729
		Trả trước cho người bán	2,795,036,731
Công ty TNHH MTV SMC TOAMI	Công ty liên kết	Phải thu khác	118,100,000
		Phải trả người bán	(401,596,746)
		Phải thu	3,533,143,63

4. Báo cáo bộ phận

Tại ngày 31/12/2015, Tập đoàn báo cáo hoạt động các bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

	Hồ Chí Minh	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hà Nội	Loại trừ	Cộng
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	6,679,537,669,909	836,091,400,604	2,009,728,898,671	521,115,977,301	-	10,046,473,946,485
Giữa các bộ phận	2,216,528,053,269	144,664,147,676	1,217,509,303,421	6,342,669,803	(3,585,044,174,169)	-
Tổng cộng doanh thu thuần	8,896,065,723,178	980,755,548,280	3,227,238,202,092	527,458,647,104	(3,585,044,174,169)	10,046,473,946,485
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp	280,422,418,805	25,282,787,418	(176,913,669,583)	20,069,755,685	(4,188,466,588)	144,672,825,737
Chi phí hoạt động	(153,594,047,431)	(19,563,610,682)	(78,204,658,365)	(10,967,404,117)	(3,600,154,375)	(258,729,566,219)
Thu nhập tài chính	78,599,952,218	2,856,610,650	1,170,978,487	61,861,581	(29,901,330,202)	52,788,072,734
Chi phí tài chính	(194,778,438,369)	(8,718,677,107)	(44,312,114,141)	(4,714,143,369)	(101,366,276,026)	(151,157,096,960)
Lợi nhuận / (lỗ) khác	19,334,231,841	739,983,550	5,233,782,255	1,722,790,047	(5,860,484,635)	21,170,303,058
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	3,729,926,101					3,729,926,101
Lợi nhuận trước thuế	33,714,043,166	597,093,829	(293,025,681,347)	6,172,859,827	(144,916,711,826)	(187,525,535,549)
Chi phí thuế TNDN	(9,819,868,629)	(207,914,685)	(1,286,640,425)	(1,065,010,976)	(4,069,381,146)	(8,310,053,569)
Lợi nhuận sau thuế	23,894,174,536	389,179,144	(294,312,321,772)	5,107,848,851	(148,986,092,971)	(195,835,589,118)
Tài sản và nợ phải trả						
Tài sản của bộ phận	2,972,459,696,698	134,244,362,596	836,048,624,460	152,899,978,213	(1,084,505,515,736)	3,011,147,146,232
Tài sản thuế hoãn lại	8,583,466,869	762,651,209	4,771,451,858	435,748,141	1,269,301,126	15,822,619,203
Tổng tài sản	2,981,043,163,567	135,007,013,805	840,820,076,318	153,335,726,354	(1,083,236,214,610)	3,026,969,765,435
Nợ phải trả của bộ phận	2,288,630,104,639	103,448,121,551	900,711,057,160	123,854,655,345	(780,892,386,260)	2,635,751,552,435
Mua sắm tài sản cố định	48,257,795,981	-	143,749,166,092	-	-	192,006,962,073
Chi phí khấu hao	19,483,815,091	273,683,333	17,670,703,554	3,167,470,757	-	40,595,672,735

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Quản lý rủi ro tài chính

5.1. Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD như sau:

	USD	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
- Tiền gửi ngân hàng	975,798.13	21,906,664,515
- Phải thu khách hàng	5,320,973.78	119,418,493,798
Cộng	6,296,771.91	141,325,158,313
Nợ tài chính		
- Vay và nợ ngắn hạn	13,379,264.67	301,568,625,763
- Phải trả người bán	8,008,278.36	180,506,594,234
- Vay và nợ dài hạn	2,264,156.59	51,034,089,538
Cộng	23,651,699.62	533,109,309,535
Mức rủi ro tiền tệ	(17,354,927.71)	(391,784,151,223)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (19.589.207.561) đồng Việt Nam do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

	31/12/2015	Biến động lãi suất 2% (*)
Tài sản có lãi suất		
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	793,501,083,333	15,870,021,667
- Cho vay ngắn hạn	12,900,000,000	258,000,000
- Ký quỹ	4,189,153,630	83,783,073
Cộng	810,590,236,963	16,211,804,740
Nợ phải trả có lãi suất		
- Các khoản vay và nợ	1,891,786,617,158	37,835,732,343
Cộng	1,891,786,617,158	37,835,732,343
Chênh lệch		(21,623,927,603)

(*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất hoặc tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất x 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (21.963.927.603 đồng).

5.2. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	1,782,470,548,185	109,316,068,973	1,891,786,617,158
- Phải trả người bán	691,697,368,934	-	691,697,368,934
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	9,749,365,296	-	9,749,365,296
- Phải trả người lao động	1,851,603,530	-	1,851,603,530
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	8,484,520,908	-	8,484,520,908
Cộng	2,494,253,406,853	109,316,068,973	2,603,569,475,826

6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Tập đoàn tin tưởng vẫn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh tại mục số 23 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	So sánh với giá thị trường gần năm		Đơn vị tính: 1.000 đồng		
	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	5,783,039	-	(4,545,483)	1,237,556	(4,545,483)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	1,778,392	-	(305,399)	1,472,993	(305,399)
Tiền gửi có kỳ hạn	761,501,083	-	-	761,501,083	-
Cho vay	250,000	-	-	250,000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn niêm yết	43,474,960	-	(24,288,360)	19,186,600	(24,288,360)
Chứng khoán vốn giao dịch trên sàn UPCOM	14,895,807	-	(9,953,862)	4,941,945	(9,953,862)
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	81,674,500	8,388,597	(14,054,000)	76,009,097	(14,054,000)
Cộng	909,357,781	8,388,597	(53,147,104)	864,599,274	(53,147,104)

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác.

Tại ngày 31/12/2015, đối với các khoản đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác: do Tập đoàn không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của các chứng khoán chưa niêm yết nên Tập đoàn ghi nhận theo giá gốc đầu tư ban đầu hoặc theo giá trị xét đoán của Ban Giám đốc.

5.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 837.286.924.779 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2015
Tổng gộp	85,830,122,385
Trừ dự phòng giảm giá trị	(84,833,274,295)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	996,848,090

Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm	(54,511,324,201)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(41,978,264,718)
Hoàn nhập dự phòng (do thu hồi)	4,902,157,748
Giảm (do xóa nợ)	6,754,156,876
Số dư cuối năm	(84,833,274,295)



Nguyễn Thanh Hà
Người lập biểu



Đỗ Doãn Thành Công
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám Đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI SMC

396 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Tel: (84-08) 3899 2299 - Fax: (84-08) 3898 0909

www.smc.vn